BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 33 /2015/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2015*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Thuận

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Thuận.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 8 năm 2015.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Ninh Thuận;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐĐBĐVN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NINH THUẬN

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 33 /2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Thuận được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Thuận được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư, SV là nhóm địa danh sơn văn, TV là nhóm địa danh thủy văn, KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của "phường", TT. là chữ viết tắt của "thị trấn".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của "thành phố", H. là chữ viết tắt của "huyện".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm", nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 sử dụng để thống kê địa danh.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phần II

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NINH THUẬN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Ninh Thuận gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Phan Rang Tháp Chàm	3
2	Huyện Bác Ái	12
3	Huyện Ninh Hải	18
4	Huyện Ninh Phước	24
5	Huyện Ninh Sơn	30
6	Huyện Thuận Bắc	38
7	Huyện Thuận Nam	43

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 1	DC	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 21"	108° 56' 13"					C-49-2-D-d
Khu phố 2	DC	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 29"	108° 56' 47"					C-49-2-D-d
Khu phố 3	DC	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 34"	108° 57' 00"					C-49-2-D-d
Khu phố 4	DC	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 33"	108° 56' 50"					C-49-2-D-d
Khu phố 5	DC	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 42"	108° 56' 52"					C-49-2-D-d
Khu phố 6	DC	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 37"	108° 57' 27"					C-49-2-D-d
Khu phố 7	DC	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 52"	108° 57' 27"					C-49-2-D-d
quốc lộ 27	KX	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 32"	108° 58' 51"	11° 50' 09"	108° 38' 37"	C-49-2-D-d
đường tỉnh 703	KX	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 43"	108° 56' 55"	11° 31' 22"	108° 55' 21"	C-49-2-D-d
Cầu Bảo	KX	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 39"	108° 57' 02"					C-49-2-D-d
Sông Dinh	TV	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-2-D-d
đập Lâm Cấm	KX	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 50"	108° 56' 20"					C-49-2-D-d
Cầu Móng	KX	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 25"	108° 56' 45"					C-49-2-D-d
mương Ông Cố	TV	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 56' 23"	11° 33' 21"	108° 59' 27"	C-49-2-D-d
Cầu Thang	KX	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 35"	108° 56' 47"					C-49-2-D-d
Cầu Trắng	KX	P. Bảo An	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 55"	108° 57' 55"					C-49-2-D-d
Khu phố 1	DC	P. Đài Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 55"	108° 59' 43"					C-49-2-D-d
Quốc lộ 1	KX	P. Đài Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-2-D-d
Khu phố 2	DC	P. Đài Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 09"	108° 59' 35"					C-49-2-D-d
Khu phố 3	DC	P. Đài Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 07"	108° 59' 09"					C-49-2-D-d
Khu phố 4	DC	P. Đài Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 54"	108° 59' 07"					C-49-2-D-d
kênh Chà Là	TV	P. Đài Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 27"	108° 58' 35"	11° 32' 49"	109° 01' 19"	C-49-2-D-d
chùa Giác Hoa	KX	P. Đài Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 58"	108° 59' 06"					C-49-2-D-d
chùa Nghĩa Trang	KX	P. Đài Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 00"	108° 59' 18"					C-49-2-D-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Đài Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 00"	108° 59' 22"	11° 33' 30"	108° 59' 13"	C-49-2-D-d
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Đài Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 46"	108° 59' 38"	11° 34' 53"	109° 00' 20"	C-49-2-D-d
chùa Sơn Long Tự	KX	P. Đài Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 09"	108° 59' 18"					C-49-2-D-d
đường Thống Nhất	KX	P. Đài Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 59' 17"	11° 32' 59"	108° 58' 42"	C-49-2-D-d
miếu Xóm Bánh	KX	P. Đài Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 57"	108° 59' 53"					C-49-2-D-d
Khu phố 1	DC	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 42"	108° 59' 12"					C-49-2-D-d
Khu phố 2	DC	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 37"	108° 59' 02"					C-49-2-D-d
Khu phố 3	DC	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 37"	108° 59' 10"					C-49-2-D-d
Khu phố 4	DC	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 31"	108° 59' 10"					C-49-2-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 5	DC	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 25"	108° 59' 04"					C-49-2-D-d
Khu phố 6	DC	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 15"	108° 59' 06"					C-49-2-D-d
đường tỉnh 710	KX	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 33' 01"	108° 59' 01"	11° 38' 36"	108° 57' 40"	C-49-2-D-d
cầu An Thạnh	KX	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 04"	108° 59' 04"					C-49-2-D-d
Sông Dinh	TV	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
cầu Đạo Long	KX	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 20"	108° 59' 10"					C-49-2-D-d
cầu Long Bình	KX	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 59"	108° 58' 42"					C-49-2-D-d
chùa Long Quang	KX	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 28"	108° 59' 06"					C-49-2-D-d
tịnh xá Ngọc Thuận	KX	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 16"	108° 59' 12"					C-49-2-D-d
Sông Quao	TV	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 46"	108° 52' 30"	11° 33' 18"	108° 58' 59"	C-49-2-D-d
đường Thống Nhất	KX	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 59' 17"	11° 32' 59"	108° 58' 42"	C-49-2-D-d
cầu Từ Tâm	KX	P. Đạo Long	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 01"	108° 59' 02"					C-49-2-D-d
Khu phố 1	DC	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 39"	108° 56' 20"					C-49-2-D-d
Khu phố 2	DC	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 04"	108° 56' 32"					C-49-2-D-d
Khu phố 3	DC	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 08"	108° 56' 47"					C-49-2-D-d
Khu phố 4	DC	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 55"	108° 56' 51"					C-49-2-D-d
Khu phố 5	DC	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 08"	108° 57' 03"					C-49-2-D-d
Khu phố 6	DC	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 30"	108° 57' 11"					C-49-2-D-d
Khu phố 7	DC	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 13"	108° 57' 24"					C-49-2-D-d
Khu phố 8	DC	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 43"	108° 56' 52"					C-49-2-D-d
quốc lộ 27	KX	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 32"	108° 58' 51"	11° 50' 09"	108° 38' 37"	C-49-2-D-d
Kênh Bắc	TV	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 38' 22"	108° 52' 16"	11° 38' 39"	109° 03' 40"	C-49-2-D-d
Cầu Bảo	KX	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 39"	108° 57' 02"					C-49-2-D-d
Cầu Chuối	KX	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 20"	108° 56' 07"					C-49-2-D-d
Sông Dinh	TV	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-2-D-d
Núi Đất	SV	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 39' 01"	108° 56' 10"					C-49-2-D-b
kênh G2	TV	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 36' 51"	108° 56' 57"	11° 35' 41"	108° 57' 06"	C-49-2-D-d
đình Nhơn Hội	KX	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 22"	108° 55' 57"					C-49-2-D-d
mương Ông Cố	TV	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 56' 23"	11° 33' 21"	108° 59' 27"	C-49-2-D-d
tháp Pô Klong Garai	KX	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 10"	108° 56' 42"					C-49-2-D-d
sân bay Thành Sơn	KX	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 38' 05"	108° 57' 07"					C-49-2-D-b
ga Tháp Chàm	KX	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 00"	108° 56' 53"					C-49-2-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Núi Thấp	SV	P. Đô Vinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 39' 18"	108° 57' 40"					C-49-2-D-b
Khu phố 1	DC	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 17"	109° 01' 33"					C-49-3-C-c
Khu phố 2	DC	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 09"	109° 01' 33"					C-49-3-C-c
Khu phố 3	DC	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 01"	109° 01' 18"					C-49-3-C-c
Khu phố 4	DC	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 54"	109° 01' 28"					C-49-3-C-c
Khu phố 5	DC	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 51"	109° 01' 23"					C-49-3-C-c
Khu phố 6	DC	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 03"	109° 01' 50"					C-49-3-C-c
Khu phố 7	DC	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 59"	109° 01' 46"					C-49-3-C-c
Khu phố 8	DC	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 57"	109° 01' 51"					C-49-3-C-c
Khu phố 9	DC	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 45"	109° 01' 46"					C-49-3-C-c
khu phố 10	DC	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 35"	109° 01' 42"					C-49-3-C-c
khu phố 11	DC	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 42"	109° 01' 27"					C-49-3-C-c
tam toà Ba Lăng	KX	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 52"	109° 01' 49"					C-49-3-C-c
kênh Chà Là	TV	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 27"	108° 58' 35"	11° 32' 49"	109° 01' 19"	C-49-3-C-c
Sông Dinh	TV	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-3-C-c
cầu Đá Bạc	KX	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 58"	109° 01' 16"					C-49-3-C-c
đình Đông Giang	KX	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 07"	109° 01' 36"					C-49-3-C-c
cảng cá Đông Hải	KX	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 49"	109° 01' 21"					C-49-3-C-c
đình Hải Chữ	KX	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 55"	109° 01' 48"					C-49-3-C-c
đường Hải Thượng Lãn Ông	KX	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 33' 34"	108° 59' 30"	11° 33' 09"	109° 01' 41"	C-49-3-C-c
thôn Phú Thọ	DC	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 09"	109° 01' 12"					C-49-3-C-c
cầu Tân Thành	KX	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 48"	109° 01' 30"					C-49-3-C-c
đình Tân Thành	KX	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 48"	109° 01' 32"					C-49-3-C-c
đình Tân Xuân	KX	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 59"	109° 01' 29"					C-49-3-C-c
nhà thờ Tân Xuân	KX	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 00"	109° 01' 31"					C-49-3-C-c
đình Tây Giang	KX	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 10"	109° 01' 31"					C-49-3-C-c
đường Yên Ninh	KX	P. Đông Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 46"	109° 02' 04"	11° 33' 01"	109° 01' 24"	C-49-3-C-c
Khu phố 1	DC	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 07"	108° 59' 24"					C-49-2-D-d
Khu phố 2	DC	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 57"	108° 59' 25"					C-49-2-D-d
Khu phố 3	DC	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 50"	108° 59' 23"					C-49-2-D-d
Khu phố 4	DC	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 45"	108° 59' 28"					C-49-2-D-d
Khu phố 5	DC	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 43"	108° 59' 22"					C-49-2-D-d
Khu phố 6	DC	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 36"	108° 59' 23"					C-49-2-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 7	DC	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 32"	108° 59' 18"					C-49-2-D-d
đường 16-4	KX	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 02"	108° 59' 21"	11° 33' 50"	109° 01' 11"	C-49-2-D-d
hồ Điều Hoà	TV	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 37"	108° 59' 26"					C-49-2-D-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 00"	108° 59' 22"	11° 33' 30"	108° 59' 13"	C-49-2-D-d
Nhà máy Nước Ninh Thuận	KX	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 47"	108° 59' 27"					C-49-2-D-d
Chùa Ông	KX	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 48"	108° 59' 20"					C-49-2-D-d
mương Ông Cố	TV	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 56' 23"	11° 33' 21"	108° 59' 27"	C-49-2-D-d
chợ Phan Rang	KX	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 43"	108° 59' 19"					C-49-2-D-d
nhà thờ Phan Rang	KX	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 57"	108° 59' 22"					C-49-2-D-d
đường Quang Trung	KX	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 12"	108° 59' 14"	11° 34' 10"	108° 59' 35"	C-49-2-D-d
đường Thống Nhất	KX	P. Kinh Dinh	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 59' 17"	11° 32' 59"	108° 58' 42"	C-49-2-D-d
Khu phố 1	DC	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 11"	109° 00' 03"					C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
Khu phố 2	DC	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 29"	109° 00' 12"					C-49-3-C-c
Khu phố 3	DC	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 35"	109° 01' 04"					C-49-3-C-c
Khu phố 4	DC	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 17"	109° 00' 31"					C-49-3-C-c
Khu phố 5	DC	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 07"	109° 00' 31"					C-49-3-C-c
Khu phố 6	DC	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 01"	109° 01' 01"					C-49-3-C-c
đường 16-4	KX	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 02"	108° 59' 21"	11° 33' 50"	109° 01' 11"	C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
Quảng trường 16-4	KX	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 59"	108° 59' 52"					C-49-2-D-d
kênh Chà Là	TV	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 27"	108° 58' 35"	11° 32' 49"	109° 01' 19"	C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
chùa Mỹ Phước	KX	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 05"	109° 00' 27"					C-49-3-C-c
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 53"	109° 00' 20"	11° 34' 35"	109° 01' 25"	C-49-3-C-c
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 46"	108° 59' 38"	11° 34' 53"	109° 00' 20"	C-49-3-C-c
chùa Thiên Hưng	KX	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 43"	109° 00' 06"					C-49-3-C-c
đường Yên Ninh	KX	P. Mỹ Bình	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 46"	109° 02' 04"	11° 33' 01"	109° 01' 24"	C-49-3-C-c
Khu phố 1	DC	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 19"	109° 01' 10"					C-49-3-C-c
Khu phố 2	DC	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 59"	109° 00' 36"					C-49-3-C-c
Khu phố 3	DC	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 02"	109° 00' 24"					C-49-3-C-c
Khu phố 4	DC	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 13"	109° 00' 46"					C-49-3-C-c
Khu phố 5	DC	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 11"	109° 00' 50"					C-49-3-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 6	DC	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 06"	109° 00' 54"					C-49-3-C-c
Khu phố 7	DC	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 08"	109° 01' 06"					C-49-3-C-c
Khu phố 8	DC	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 06"	109° 01' 12"					C-49-3-C-c
Khu phố 9	DC	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 53"	109° 01' 05"					C-49-3-C-c
cầu Bà Cảnh	KX	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 07"	109° 00' 37"					C-49-3-C-c
cầu Chà Là	KX	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 16"	109° 00' 22"					C-49-3-C-c
kênh Chà Là	TV	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 27"	108° 58' 35"	11° 32' 49"	109° 01' 19"	C-49-3-C-c
đường Dã Tượng	KX	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 33' 26"	108° 59' 12"	11° 33' 13"	108° 59' 39"	C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
Sông Dinh	TV	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-3-C-c
cầu Đá Bạc	KX	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 58"	109° 01' 16"					C-49-3-C-c
đường Hải Thượng Lãn Ông	KX	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 33' 34"	108° 59' 30"	11° 33' 09"	109° 01' 41"	C-49-3-C-c
đường Yên Ninh	KX	P. Mỹ Đông	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 46"	109° 02' 04"	11° 33' 01"	109° 01' 24"	C-49-3-C-c
Khu phố 1	DC	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 49"	109° 00' 15"					C-49-3-C-c
Khu phố 2	DC	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 16"	109° 00' 31"					C-49-3-C-c
Khu phố 3	DC	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 21"	109° 00' 38"					C-49-3-C-c
Khu phố 4	DC	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 41"	109° 01' 13"					C-49-3-C-c
Khu phố 5	DC	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 16"	109° 01' 22"					C-49-3-C-c
đường 16-4	KX	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 02"	108° 59' 21"	11° 33' 50"	109° 01' 11"	C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
kênh Chà Là	TV	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 27"	108° 58' 35"	11° 32' 49"	109° 01' 19"	C-49-3-C-c
đường Hải Thượng Lãn Ông	KX	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 33' 34"	108° 59' 30"	11° 33' 09"	109° 01' 41"	C-49-3-C-c
khu nghỉ dưỡng Long Thuận	KX	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 45"	109° 01' 13"					C-49-3-C-c
miếu Mỹ Thành	KX	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 39"	109° 01' 13"					C-49-3-C-c
đường Nguyễn Công Trứ	KX	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 33' 48"	109° 00' 33"	11° 33' 46"	109° 00' 56"	C-49-3-C-c
Công ty trách nhiệm hữu hạn May Tiến Thuận	KX	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 49"	109° 01' 01"					C-49-3-C-c
đường Trịnh Hoài Đức	KX	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 33' 35"	109° 01' 14"	11° 33' 18"	109° 01' 25"	C-49-3-C-c
đường Yên Ninh	KX	P. Mỹ Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 46"	109° 02' 04"	11° 33' 01"	109° 01' 24"	C-49-3-C-c
Khu phố 1	DC	P. Mỹ Hương	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 47"	108° 59' 10"					C-49-2-D-d
Khu phố 2	DC	P. Mỹ Hương	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 51"	108° 59' 16"					C-49-2-D-d
Khu phố 3	DC	P. Mỹ Hương	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 03"	108° 59' 14"					C-49-2-D-d
Khu phố 4	DC	P. Mỹ Hương	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 08"	108° 59' 17"					C-49-2-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Sông Dinh	TV	P. Mỹ Hương	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-2-D-d
mương Ông Cố	TV	P. Mỹ Hương	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 56' 23"	11° 33' 21"	108° 59' 27"	C-49-2-D-d
đường Quang Trung	KX	P. Mỹ Hương	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 12"	108° 59' 14"	11° 34' 10"	108° 59' 35"	C-49-2-D-d
đường Thống Nhất	KX	P. Mỹ Hương	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 59' 17"	11° 32' 59"	108° 58' 42"	C-49-2-D-d
Khu phố 1	DC	P. Phủ Hà	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 20"	108° 58' 52"					C-49-2-D-d
Quốc lộ 1	KX	P. Phủ Hà	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-2-D-d
Khu phố 2	DC	P. Phủ Hà	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 17"	108° 59' 02"					C-49-2-D-d
Khu phố 3	DC	P. Phủ Hà	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 27"	108° 59' 13"					C-49-2-D-d
Khu phố 4	DC	P. Phủ Hà	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 21"	108° 59' 17"					C-49-2-D-d
Khu phố 5	DC	P. Phủ Hà	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 30"	108° 59' 05"					C-49-2-D-d
Khu phố 6	DC	P. Phủ Hà	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 46"	108° 59' 05"					C-49-2-D-d
cầu Đạo Long 2	KX	P. Phủ Hà	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 12"	108° 58' 46"					C-49-2-D-d
mương Ông Cố	TV	P. Phủ Hà	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 56' 23"	11° 33' 21"	108° 59' 27"	C-49-2-D-d
cầu Ông Cọp	KX	P. Phủ Hà	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 13"	108° 59' 22"					C-49-2-D-d
đường Quang Trung	KX	P. Phủ Hà	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 12"	108° 59' 14"	11° 34' 10"	108° 59' 35"	C-49-2-D-d
đường Thống Nhất	KX	P. Phủ Hà	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 59' 17"	11° 32' 59"	108° 58' 42"	C-49-2-D-d
Khu phố 1	DC	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 33"	108° 57' 46"					C-49-2-D-d
Quốc lộ 1	KX	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-2-D-d
Khu phố 2	DC	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 21"	108° 57' 49"					C-49-2-D-d
Khu phố 3	DC	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 07"	108° 58' 00"					C-49-2-D-d
Khu phố 4	DC	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 20"	108° 58' 03"					C-49-2-D-d
Khu phố 5	DC	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 55"	108° 58' 10"					C-49-2-D-d
Khu phố 6	DC	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 12"	108° 58' 15"					C-49-2-D-d
Khu phố 7	DC	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 47"	108° 58' 25"					C-49-2-D-d
Khu phố 8	DC	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 56"	108° 58' 26"					C-49-2-D-d
Khu phố 9	DC	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 38"	108° 58' 37"					C-49-2-D-d
khu phố 10	DC	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 42"	108° 58' 41"					C-49-2-D-d
quốc lộ 27	KX	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 32"	108° 58' 51"	11° 50' 09"	108° 38' 37"	C-49-2-D-d
kênh Chà Là	TV	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 27"	108° 58' 35"	11° 32' 49"	109° 01' 19"	C-49-2-D-d
Sông Dinh	TV	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-2-D-d
cầu Đạo Long 2	KX	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 12"	108° 58' 46"					C-49-2-D-d
mương Ông Cố	TV	P. Phước Mỹ	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 56' 23"	11° 33' 21"	108° 59' 27"	C-49-2-D-d
Khu phố 1	DC	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 55"	108° 59' 30"					C-49-2-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Khu phố 2	DC	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 31"	108° 59' 28"					C-49-2-D-d
Khu phố 3	DC	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 24"	108° 59' 37"					C-49-2-D-d
Khu phố 4	DC	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 04"	108° 59' 48"					C-49-2-D-d
Khu phố 5	DC	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 53"	108° 59' 41"					C-49-2-D-d
Khu phố 6	DC	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 29"	108° 59' 53"					C-49-2-D-d
Khu phố 7	DC	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 21"	108° 59' 42"					C-49-2-D-d
Khu phố 8	DC	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 32' 55"	108° 59' 59"					C-49-2-D-d
đường 16-4	KX	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 02"	108° 59' 21"	11° 33' 50"	109° 01' 11"	C-49-2-D-d
đường Dã Tượng	KX	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 33' 26"	108° 59' 12"	11° 33' 13"	108° 59' 39"	C-49-2-D-d
Sông Dinh	TV	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
cầu Đạo Long	KX	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 20"	108° 59' 10"					C-49-2-D-d
đường Hải Thượng Lãn Ông	KX	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 33' 34"	108° 59' 30"	11° 33' 09"	109° 01' 41"	C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 00"	108° 59' 22"	11° 33' 30"	108° 59' 13"	C-49-2-D-d
đường Nguyễn Thái Bình	KX	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 33' 13"	108° 59' 39"	11° 32' 58"	109° 00' 55"	C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
mương Ông Cố	TV	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 56' 23"	11° 33' 21"	108° 59' 27"	C-49-2-D-d
đình Tấn Lộc	KX	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 33' 11"	108° 59' 41"					C-49-2-D-d
đường Thống Nhất	KX	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 59' 17"	11° 32' 59"	108° 58' 42"	C-49-2-D-d
đường Trần Thi	KX	P. Tấn Tài	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 33' 29"	108° 59' 41"	11° 33' 13"	108° 59' 39"	C-49-2-D-d
Khu phố 1	DC	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 19"	108° 59' 29"					C-49-2-D-d
Khu phố 2	DC	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 27"	108° 59' 28"					C-49-2-D-d
Khu phố 3	DC	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 39"	108° 59' 37"					C-49-2-D-d
Khu phố 4	DC	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 39"	108° 59' 29"					C-49-2-D-d
Khu phố 5	DC	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 09"	108° 59' 42"					C-49-2-D-d
Khu phố 6	DC	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 05"	108° 59' 31"					C-49-2-D-d
Khu phố 7	DC	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 24"	108° 59' 43"					C-49-2-D-d
Khu phố 8	DC	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 12"	108° 59' 31"					C-49-2-D-d
công viên 16-4	KX	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 03"	108° 59' 41"					C-49-2-D-d
đường 16-4	KX	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 02"	108° 59' 21"	11° 33' 50"	109° 01' 11"	C-49-2-D-d
đường Ngô Gia Tự	KX	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 00"	108° 59' 22"	11° 33' 30"	108° 59' 13"	C-49-2-D-d
chùa Ngọc Ninh	KX	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 21"	108° 59' 38"					C-49-2-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
miếu Ngũ Hành	KX	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 17"	108° 59' 29"					C-49-2-D-d
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 46"	108° 59' 38"	11° 34' 53"	109° 00' 20"	C-49-2-D-d
cầu Ông Cọp	KX	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 13"	108° 59' 22"					C-49-2-D-d
chùa Phước Huệ	KX	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 33"	108° 59' 28"					C-49-2-D-d
đường Quang Trung	KX	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 12"	108° 59' 14"	11° 34' 10"	108° 59' 35"	C-49-2-D-d
chợ Thanh Sơn	KX	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 15"	108° 59' 25"					C-49-2-D-d
đường Thống Nhất	KX	P. Thanh Sơn	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 59' 17"	11° 32' 59"	108° 58' 42"	C-49-2-D-d
Khu phố 1	DC	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 51"	109° 01' 31"					C-49-3-C-c
Khu phố 2	DC	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 04"	109° 00' 54"					C-49-3-C-c
Khu phố 3	DC	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 32"	109° 00' 30"					C-49-3-C-c
Khu phố 4	DC	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 19"	109° 00' 20"					C-49-3-C-c
Khu phố 5	DC	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 33"	109° 01' 09"					C-49-3-C-c
Khu phố 6	DC	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 51"	109° 01' 06"					C-49-3-C-c
Khu phố 7	DC	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 48"	109° 01' 05"					C-49-3-C-c
Khu phố 8	DC	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 07"	109° 00' 30"					C-49-3-C-c
Khu phố 9	DC	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 11"	109° 01' 30"					C-49-3-C-c
khu phố 10	DC	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 08"	109° 01' 21"					C-49-3-C-c
khu phố 11	DC	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 29"	109° 00' 59"					C-49-3-C-c
khu phố 12	DC	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 19"	109° 00' 03"					C-49-3-C-c
đường tỉnh 704	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 36' 58"	108° 59' 30"	11° 35' 46"	109° 02' 04"	C-49-3-C-c
bãi tắm Bình Sơn	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 57"	109° 01' 40"					C-49-3-C-c
kênh Chà Là	TV	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 27"	108° 58' 35"	11° 32' 49"	109° 01' 19"	C-49-3-C-c; C-49-2-D-d
khu du lịch Con Gà Vàng	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 02"	109° 01' 37"					C-49-3-C-c
khu du lịch Đồng Thuận	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 47"	109° 01' 35"					C-49-3-C-c
khu du lịch Hoàn Cầu	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 02"	109° 01' 38"					C-49-3-C-c
đường Nguyễn Thị Minh Khai	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 53"	109° 00' 20"	11° 34' 35"	109° 01' 25"	C-49-3-C-c
đường Nguyễn Văn Cừ	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 46"	108° 59' 38"	11° 34' 53"	109° 00' 20"	C-49-3-C-c; C-49-2-D-d
đình Nhơn Sơn	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 55"	109° 01' 11"					C-49-3-C-c
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Thuận	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 55"	109° 00' 10"					C-49-3-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Trường Trung cấp Y tế Ninh Thuận	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 08"	109° 01' 31"					C-49-3-C-c
kênh Tân Hội	TV	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 33"	108° 59' 52"	11° 36' 04"	109° 01' 41"	C-49-3-C-c; C-49-2-D-d
Trường Đại học Thuỷ lợi DH2	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 34' 55"	109° 01' 30"					C-49-3-C-c
đường Trường Chinh	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 34' 53"	109° 00' 20"	11° 35' 34"	109° 02' 00"	C-49-3-C-c
đình Văn Sơn	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 14"	109° 00' 24"					C-49-3-C-c
đường Yên Ninh	KX	P. Văn Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 46"	109° 02' 04"	11° 33' 01"	109° 01' 24"	C-49-3-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-2-D-d
đường tỉnh 704	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 36' 58"	108° 59' 30"	11° 35' 46"	109° 02' 04"	C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
cầu Bà Lợi	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 17"	108° 59' 23"					C-49-2-D-d
miếu Cà Đú	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 30"	108° 59' 47"					C-49-2-D-d
thôn Cà Đú	DC	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 46"	108° 59' 38"					C-49-2-D-d
chùa Công Thành	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 34"	108° 58' 09"					C-49-2-D-d
đình Công Thành	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 41"	108° 58' 17"					C-49-2-D-d
thôn Công Thành	DC	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 47"	108° 58' 20"					C-49-2-D-d
mương Lê Đình Chinh	TV	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 37' 49"	109° 00' 03"	11° 36' 42"	108° 58' 09"	C-49-2-D-d
Cầu Nghiêng	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 32"	108° 59' 23"					C-49-2-D-d
Cầu Ngòi	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 37"	108° 59' 24"					C-49-2-D-d
Kinh Tân	TV	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 36' 31"	108° 58' 10"	11° 36' 20"	108° 59' 49"	C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
nhà thờ Tân Hội	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 49"	108° 59' 14"					C-49-2-D-d
cầu Tân Hội	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 42"	108° 59' 19"					C-49-2-D-d
chùa Tân Quy	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 55"	108° 58' 52"					C-49-2-D-d
miếu Tân Quy	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 51"	108° 58' 58"					C-49-2-D-d
thôn Tân Sơn 1	DC	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 48"	108° 59' 05"					C-49-2-D-d
thôn Tân Sơn 2	DC	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 40"	108° 59' 22"					C-49-2-D-d
cầu Thành Hải	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 35' 34"	108° 59' 15"					C-49-2-D-d
cụm công nghiệp Thành Hải	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 25"	108° 59' 38"					C-49-2-D-d
thôn Thành Ý	DC	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm	11° 36' 52"	108° 58' 13"					C-49-2-D-d
đường Thống Nhất	KX	xã Thành Hải	TP. Phan Rang-Tháp Chàm			11° 35' 48"	108° 59' 17"	11° 32' 59"	108° 58' 42"	C-49-2-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường tỉnh 707	KX	xã Phước Bình	H. Bác Ái			12° 02' 26"	108° 49' 02"	11° 46' 59"	108° 47' 51"	D-49-86-D-c; C-49-2-A-b; C-49-2-B-a
núi Bà Đen	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	12° 02' 10"	108° 44' 59"					D-49-86-C-d
núi Bàu Đìa	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	11° 59' 09"	108° 40' 48"					C-49-2-A-b
núi Bo Vút	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	12° 01' 22"	108° 50' 13"					D-49-86-D-c
thôn Bậc Rây 1	DC	xã Phước Bình	H. Bác Ái	12° 01' 04"	108° 49' 05"					D-49-86-D-c
thôn Bậc Rây 2	DC	xã Phước Bình	H. Bác Ái	11° 59' 58"	108° 48' 26"					C-49-2-B-a
thôn Bố Lang	DC	xã Phước Bình	H. Bác Ái	12° 00' 07"	108° 47' 37"					D-49-86-D-c
Sông Cái	TV	xã Phước Bình	H. Bác Ái			12° 00' 00"	108° 48' 40"	11° 39' 24"	108° 51' 58"	C-49-2-A-d; C-49-2-B-c
núi Cha Ninh	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	11° 57' 17"	108° 46' 52"					C-49-2-B-a
núi Chai	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	12° 04' 44"	108° 43' 45"					D-49-86-C-d
suối Chô Cu	TV	xã Phước Bình	H. Bác Ái			12° 00' 04"	108° 51' 11"	12° 01' 09"	108° 51' 00"	D-49-86-D-c
suối Đa Khôi	TV	xã Phước Bình	H. Bác Ái			12° 07' 12"	108° 41' 04"	12° 05' 16"	108° 45' 14"	D-49-86-C-d; D-49-86-D-c
cầu Đa May	KX	xã Phước Bình	H. Bác Ái	12° 02' 11"	108° 47' 06"					D-49-86-D-c
suối Đa May	TV	xã Phước Bình	H. Bác Ái			12° 08' 57"	108° 42' 28"	11° 59' 21"	108° 46' 37"	D-49-86-C-b; D-49-86-C-d; D-49-86-D-c; C-49-2-B-a
thôn Gia É	DC	xã Phước Bình	H. Bác Ái	12° 00' 17"	108° 47' 20"					D-49-86-D-c
núi Gia Lục	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	12° 02' 36"	108° 47' 53"					D-49-86-D-c
suối Gia Ngheo	TV	xã Phước Bình	H. Bác Ái			11° 59' 21"	108° 49' 34"	11° 59' 45"	108° 48' 34"	C-49-2-B-a
cầu Gia Non	KX	xã Phước Bình	H. Bác Ái	11° 59' 07"	108° 45' 31"					C-49-2-B-a
núi Gia Rích	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	12° 08' 50"	108° 41' 28"					D-49-86-C-b
cầu Hàm Leo	KX	xã Phước Bình	H. Bác Ái	12° 02' 26"	108° 49' 02"					D-49-86-D-c
sông Hàm Leo	TV	xã Phước Bình	H. Bác Ái			12° 08' 20"	108° 44' 56"	12° 01' 56"	108° 49' 12"	D-49-86-C-b; D-49-86-D-a; D-49-86-D-c
thôn Hành Rạc 1	DC	xã Phước Bình	H. Bác Ái	11° 59' 16"	108° 45' 40"					C-49-2-B-a
núi Liên On	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	12° 04' 36"	108° 46' 55"					D-49-86-D-c
Suối Lúc	TV	xã Phước Bình	H. Bác Ái			12° 00' 16"	108° 46' 03"	11° 59' 33"	108° 46' 15"	C-49-2-D-c; C-49-2-B-a

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Núi Một	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	11° 59' 45"	108° 47' 31"					C-49-2-B-a
Suối Nhong	TV	xã Phước Bình	H. Bác Ái			12° 03' 13"	108° 43' 41"	11° 58' 32"	108° 45' 22"	D-49-86-C-d; C-49-2-A-b; C-49-2-B-a
Suối Non	TV	xã Phước Bình	H. Bác Ái			12° 00' 51"	108° 45' 32"	11° 59' 07"	108° 45' 32"	D-49-86-D-c; C-49-2-B-a
Vườn quốc gia Phước Bình	KX	xã Phước Bình	H. Bác Ái	11° 58' 54"	108° 45' 12"					C-49-2-B-a
núi Sa Cha Ngoa	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	12° 01' 29"	108° 46' 29"					D-49-86-D-c
núi Sa Pa Ra	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	11° 59' 57"	108° 45' 43"					C-49-2-B-a
núi Ta Lố	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	12° 03' 17"	108° 44' 20"					D-49-86-C-d
suối Ta Na	TV	xã Phước Bình	H. Bác Ái			11° 58' 16"	108° 50' 17"	11° 54' 40"	108° 49' 37"	C-49-2-B-a
núi Ta Ra Ninh	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	11° 57' 45"	108° 48' 14"					C-49-2-B-a
núi Tơ Chai	SV	xã Phước Bình	H. Bác Ái	11° 59' 29"	108° 42' 40"					C-49-2-A-b
sông Tô Hạp	TV	xã Phước Bình	H. Bác Ái			12° 01' 07"	108° 51' 11"	12° 00' 00"	108° 48' 40"	D-49-86-D-c
đường tỉnh 705	KX	xã Phước Chính	H. Bác Ái			11° 49' 29"	108° 52' 27"	11° 38' 03"	108° 59' 41"	C-49-2-B-d
sông Cho Mo	TV	xã Phước Chính	H. Bác Ái			11° 45' 03"	108° 55' 05"	11° 43' 48"	108° 48' 32"	C-49-2-B-d; C-49-2-D-a
suối Cho Mo	TV	xã Phước Chính	H. Bác Ái			11° 46' 04"	108° 55' 19"	11° 45' 40"	108° 54' 11"	C-49-2-B-d
Suối Gió	TV	xã Phước Chính	H. Bác Ái			11° 48' 14"	108° 56' 20"	11° 48' 35"	108° 52' 08"	C-49-2-B-c; C-49-2-B-d
núi Hòn Xanh	SV	xã Phước Chính	H. Bác Ái	11° 48' 22"	108° 56' 46"					C-49-2-B-d
thôn Núi Rây	DC	xã Phước Chính	H. Bác Ái	11° 48' 19"	108° 52' 44"					C-49-2-B-d
Quần thể Di tích Lịch sử Núi Tà Năng	KX	xã Phước Chính	H. Bác Ái	11° 48' 15"	108° 54' 01"					C-49-2-B-d
Sông Sắt	TV	xã Phước Chính	H. Bác Ái			11° 51' 28"	108° 55' 48"	11° 45' 58"	108° 49' 01"	C-49-2-B-c; C-49-2-B-d
thôn Suối Khô	DC	xã Phước Chính	H. Bác Ái	11° 47' 57"	108° 52' 48"					C-49-2-B-d
thôn Suối Rớ	DC	xã Phước Chính	H. Bác Ái	11° 48' 05"	108° 52' 41"					C-49-2-B-d
núi Tà Năng	SV	xã Phước Chính	H. Bác Ái	11° 48' 58"	108° 55' 16"					C-49-2-B-d
núi Thái Sơn	SV	xã Phước Chính	H. Bác Ái	11° 46' 24"	108° 52' 08"					C-49-2-B-c
quốc lộ 27B	KX	xã Phước Đại	H. Bác Ái			11° 46' 25"	108° 47' 14"	11° 53' 03"	109° 03' 07"	C-49-2-B-c; C-49-2-B-d

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đường tỉnh 705	KX	xã Phước Đại	H. Bác Ái			11° 49' 29"	108° 52' 27"	11° 38' 03"	108° 59' 41"	C-49-2-B-c; C-49-2-B-d
núi Ca Lú	SV	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 51' 11"	108° 51' 58"					C-49-2-B-c
thôn Châu Đắc	DC	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 51' 12"	108° 53' 56"					C-49-2-B-d
núi Da Đoá	SV	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 55' 34"	108° 53' 02"					C-49-2-B-b
núi Gà Bươi	SV	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 50' 38"	108° 52' 23"					C-49-2-B-c
núi Hòn Xanh	SV	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 48' 22"	108° 56' 46"					C-49-2-B-d
Suối Lá	TV	xã Phước Đại	H. Bác Ái			11° 52' 51"	108° 52' 52"	11° 50' 01"	108° 53' 42"	C-49-2-B-b; C-49-2-B-d
Suối Lạnh	TV	xã Phước Đại	H. Bác Ái			11° 48' 56"	108° 57' 08"	11° 51' 05"	108° 57' 45"	C-49-2-B-b
thôn Ma Hoa	DC	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 51' 05"	108° 54' 04"					C-49-2-B-d
Sông Sắt	TV	xã Phước Đại	H. Bác Ái			11° 51' 28"	108° 55' 48"	11° 45' 58"	108° 49' 01"	C-49-2-B-c; C-49-2-B-d
hồ Sông Sắt	TV	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 52' 07"	108° 56' 53"					C-49-2-B-b; C-49-2-B-d
núi Ta Liên	SV	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 52' 22"	108° 54' 32"					C-49-2-B-d
thôn Tà Lú 1	DC	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 50' 31"	108° 54' 08"					C-49-2-B-d
thôn Tà Lú 2	DC	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 50' 05"	108° 53' 25"					C-49-2-B-d
thôn Tà Lú 3	DC	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 49' 33"	108° 53' 31"					C-49-2-B-d
núi Tà Năng	SV	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 48' 58"	108° 55' 16"					C-49-2-B-d
Suối Xoài	TV	xã Phước Đại	H. Bác Ái			11° 55' 11"	108° 54' 32"	11° 52' 51"	108° 56' 10"	C-49-2-B-b
núi Ya Bơ	SV	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 56' 59"	108° 53' 17"					C-49-2-B-b
núi Ya Gú	SV	xã Phước Đại	H. Bác Ái	11° 54' 39"	108° 52' 59"					C-49-2-B-b
đường tỉnh 707	KX	xã Phước Hoà	H. Bác Ái			12° 02' 26"	108° 49' 02"	11° 46' 59"	108° 47' 51"	D-49-2-A-b; C-49-2-B-a; C-49-2-B-c
núi Bàu Đia	SV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái	11° 59' 09"	108° 40' 48"					C-49-2-A-b
suối Ca Trom	TV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái			11° 55' 53"	108° 40' 26"	11° 57' 45"	108° 44' 56"	C-49-2-A-b
núi Ca Xa	SV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái	11° 56' 09"	108° 42' 11"					C-49-2-A-b
núi Ca Yam	SV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái	11° 58' 20"	108° 40' 01"					C-49-2-A-b
Sông Cái	TV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái			12° 00' 00"	108° 48' 40"	11° 39' 24"	108° 51' 58"	C-49-2-A-b; C-49-2-B-a; C-49-2-B-c

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Chà Panh	DC	xã Phước Hoà	H. Bác Ái	11° 51' 40"	108° 46' 12"					C-49-2-B-c
Núi Chuẩn	SV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái	11° 55' 21"	108° 40' 59"					C-49-2-A-b
núi Đá Đứng	SV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái	11° 53' 59"	108° 47' 28"					C-49-2-B-a
núi Gia Gọ	SV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái	11° 56' 22"	108° 43' 37"					C-49-2-A-b; C-49-2-B-a
suối Gia Gọ	TV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái			11° 55' 22"	108° 43' 41"	11° 56' 46"	108° 45' 28"	C-49-2-A-b; C-49-2-B-a
núi Gộ Ca Rang	SV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái	11° 53' 52"	108° 44' 20"					C-49-2-A-b
núi Sa Vin	SV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái	11° 54' 42"	108° 43' 55"					C-49-2-A-b
suối Sa Vin	TV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái			11° 54' 41"	108° 42' 07"	11° 55' 45"	108° 45' 43"	C-49-2-A-b; C-49-2-B-a
suối Ta Na	TV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái			11° 58' 16"	108° 50' 17"	11° 54' 40"	108° 49' 37"	C-49-2-B-a
thôn Tà Lọt	DC	xã Phước Hoà	H. Bác Ái	11° 51' 52"	108° 45' 48"					C-49-2-B-c
Suối Toan	TV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái			11° 56' 38"	108° 43' 23"	11° 57' 07"	108° 45' 04"	C-49-2-A-b; C-49-2-B-a
suối Ya Gọ	TV	xã Phước Hoà	H. Bác Ái			11° 53' 31"	108° 43' 34"	11° 50' 37"	108° 46' 23"	C-49-2-A-b; C-49-2-A-d; C-49-2-B-c
quốc lộ 27B	KX	xã Phước Tân	H. Bác Ái			11° 46' 25"	108° 47' 14"	11° 53' 03"	109° 03' 07"	C-49-2-B-c
Sông Cái	TV	xã Phước Tân	H. Bác Ái			12° 00' 00"	108° 48' 40"	11° 39' 24"	108° 51' 58"	C-49-2-B-a; C-49-2-B-c
thác Chaper	TV	xã Phước Tân	H. Bác Ái	11° 55' 55"	108° 49' 25"					C-49-2-B-a
thôn Đá Trắng	DC	xã Phước Tân	H. Bác Ái	11° 51' 13"	108° 48' 47"					C-49-2-B-c
suối Lưỡi Mẫu	TV	xã Phước Tân	H. Bác Ái			11° 51' 56"	108° 48' 22"	11° 50' 47"	108° 48' 15"	C-49-2-B-c
sông Ma Lâm	TV	xã Phước Tân	H. Bác Ái			11° 57' 59"	108° 51' 43"	11° 52' 48"	108° 49' 37"	C-49-2-B-a
thôn Ma Lâm	DC	xã Phước Tân	H. Bác Ái	11° 54' 12"	108° 49' 54"					C-49-2-B-a
thôn Ma Ty	DC	xã Phước Tân	H. Bác Ái	11° 52' 06"	108° 48' 32"					C-49-2-B-c
Trại giam Sông Cái	KX	xã Phước Tân	H. Bác Ái	11° 50' 02"	108° 47' 13"					C-49-2-B-c
suối Ta Na	TV	xã Phước Tân	H. Bác Ái			11° 58' 16"	108° 50' 17"	11° 54' 40"	108° 49' 37"	C-49-2-B-a
hồ Trà Co	TV	xã Phước Tân	H. Bác Ái	11° 52' 28"	108° 48' 46"					C-49-2-B-c
sông Trà Co	TV	xã Phước Tân	H. Bác Ái			11° 52' 48"	108° 49' 37"	11° 45' 52"	108° 48' 50"	C-49-2-B-a; C-49-2-B-c
quốc lộ 27B	KX	xã Phước Thắng	H. Bác Ái			11° 46' 25"	108° 47' 14"	11° 53' 03"	109° 03' 07"	C-49-2-B-c

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
núi Ca Đa	SV	xã Phước Thắng	H. Bác Ái	11° 50' 54"	108° 49' 52"					C-49-2-B-c
núi Ca Lú	SV	xã Phước Thắng	H. Bác Ái	11° 51' 11"	108° 51' 58"					C-49-2-B-c
thôn Chà Đung	DC	xã Phước Thắng	H. Bác Ái	11° 49' 22"	108° 52' 08"					C-49-2-B-c
thôn Hà Lá Hạ	DC	xã Phước Thắng	H. Bác Ái	11° 49' 40"	108° 51' 03"					C-49-2-B-c
cầu Kilomet 13	KX	xã Phước Thắng	H. Bác Ái	11° 49' 35"	108° 50' 42"					C-49-2-B-c
cầu Kilomet 14	KX	xã Phước Thắng	H. Bác Ái	11° 49' 23"	108° 51' 02"					C-49-2-B-c
thôn Ma Oai	DC	xã Phước Thắng	H. Bác Ái	11° 49' 13"	108° 51' 31"					C-49-2-B-c
thôn Ma Ty	DC	xã Phước Thắng	H. Bác Ái	11° 49' 33"	108° 51' 29"					C-49-2-B-c
Núi Ro	SV	xã Phước Thắng	H. Bác Ái	11° 48' 24"	108° 49' 44"					C-49-2-B-c
Sông Sắt	TV	xã Phước Thắng	H. Bác Ái			11° 51' 28"	108° 55' 48"	11° 45' 58"	108° 49' 01"	C-49-2-B-c
sông Trà Co	TV	xã Phước Thắng	H. Bác Ái			11° 52' 48"	108° 49' 37"	11° 45' 52"	108° 48' 50"	C-49-2-B-c
quốc lộ 27B	KX	xã Phước Thành	H. Bác Ái			11° 46' 25"	108° 47' 14"	11° 53' 03"	109° 03' 07"	C-49-2-B-b; C-49-2-B-d; C-49-3-A-a
đường tỉnh 706	KX	xã Phước Thành	H. Bác Ái			11° 46' 48"	109° 04' 44"	11° 51' 47"	108° 58' 45"	C-49-2-B-d; C-49-3-A-c
hồ Bà Chi	TV	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 50' 28"	109° 02' 38"					C-49-3-A-c
Suối Cát	TV	xã Phước Thành	H. Bác Ái			11° 54' 18"	109° 02' 01"	11° 53' 23"	109° 02' 13"	C-49-3-A-a
cầu Cha Po	KX	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 52' 21"	108° 58' 22"					C-49-2-B-d
thôn Đá Ba Cái	DC	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 52' 58"	108° 58' 42"					C-49-2-B-d
cầu Đá Bàn	KX	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 53' 54"	109° 00' 41"					C-49-3-A-a
suối Đá Bàn	TV	xã Phước Thành	H. Bác Ái			11° 55' 02"	108° 59' 25"	11° 53' 27"	109° 01' 32"	C-49-2-B-b; C-49-3-A-a
núi Ha La Thượng	SV	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 55' 14"	108° 58' 05"					C-49-2-B-b
núi Hao Chu Hy	SV	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 47' 07"	108° 59' 17"					C-49-2-B-d
núi Hòn Xanh	SV	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 48' 22"	108° 56' 46"					C-49-2-B-d
núi Láng Theng	SV	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 55' 31"	108° 57' 43"					C-49-2-B-b
Suối Lạnh	TV	xã Phước Thành	H. Bác Ái			11° 48' 56"	108° 57' 08"	11° 51' 05"	108° 57' 45"	C-49-2-B-d
núi Ma Du	SV	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 51' 27"	109° 01' 37"					C-49-3-A-a
núi Ma Dú	SV	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 52' 06"	109° 00' 32"					C-49-3-A-c
thôn Ma Dú	DC	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 51' 18"	108° 59' 10"					C-49-2-B-d
cầu Ma Nai	KX	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 51' 34"	108° 58' 45"					C-49-2-B-d
suối Ma Nai	TV	xã Phước Thành	H. Bác Ái			11° 49' 16"	108° 58' 50"	11° 51' 30"	108° 58' 05"	C-49-2-B-d

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Ma Nai	DC	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 51' 46"	108° 58' 44"					C-49-2-B-d
núi Ma Rớ	SV	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 53' 18"	109° 01' 08"					C-49-3-A-c
thôn Ma Rớ	DC	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 52' 36"	108° 58' 24"					C-49-2-B-d
cầu Ma Ty	KX	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 51' 18"	108° 58' 33"					C-49-2-B-d
suối Ma Ty	TV	xã Phước Thành	H. Bác Ái			11° 49' 10"	108° 58' 08"	11° 51' 30"	108° 58' 05"	C-49-2-B-d
Suối Rua	TV	xã Phước Thành	H. Bác Ái			11° 53' 27"	109° 01' 32"	11° 52' 49"	109° 03' 07"	C-49-3-A-a
hồ Sông Sắt	TV	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 52' 07"	108° 56' 53"					C-49-2-B-b; C-49-2-B-d
Suối Sung	TV	xã Phước Thành	H. Bác Ái			11° 54' 42"	108° 58' 35"	11° 52' 42"	108° 57' 58"	C-49-2-B-d
suối Sừng Trâu	TV	xã Phước Thành	H. Bác Ái			11° 51' 06"	109° 03' 15"	11° 49' 50"	109° 03' 22"	C-49-3-A-c
cầu Suối Cát	KX	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 53' 25"	109° 02' 14"					C-49-3-A-a
cầu Suối Lạnh	KX	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 50' 54"	108° 57' 34"					C-49-2-B-d
thôn Suối Lở	DC	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 51' 12"	108° 58' 26"					C-49-2-B-d
Núi Tấn	SV	xã Phước Thành	H. Bác Ái	11° 53' 57"	109° 02' 42"					C-49-3-A-a
suối Tập Lá	TV	xã Phước Thành	H. Bác Ái			11° 51' 59"	109° 00' 52"	11° 50' 04"	109° 02' 03"	C-49-3-A-c
Sông Trâu	TV	xã Phước Thành	H. Bác Ái			11° 47' 52"	108° 58' 59"	11° 47' 14"	109° 04' 52"	C-49-3-A-c; C-49-2-B-d
quốc lộ 27B	KX	xã Phước Tiến	H. Bác Ái			11° 46' 25"	108° 47' 14"	11° 53' 03"	109° 03' 07"	C-49-2-B-c
núi Ca Đa	SV	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 50' 54"	108° 49' 52"					C-49-2-B-c
Sông Cái	TV	xã Phước Tiến	H. Bác Ái			12° 00' 00"	108° 48' 40"	11° 39' 24"	108° 51' 58"	C-49-2-B-c
núi Da Đoá	SV	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 55' 34"	108° 53' 02"					C-49-2-B-b
thôn Đá Bàn	DC	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 51' 17"	108° 49' 11"					C-49-2-B-c
núi Hòn Xanh	SV	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 48' 13"	108° 48' 36"					C-49-2-B-c
núi Ku Ra	SV	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 53' 26"	108° 52' 35"					C-49-2-B-a
sông Ma Lâm	TV	xã Phước Tiến	H. Bác Ái			11° 57' 59"	108° 51' 43"	11° 52' 48"	108° 49' 37"	C-49-2-B-a
núi Ma Vi O	SV	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 57' 40"	108° 52' 12"					C-49-2-B-b
thôn Mã Tiền	DC	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 47' 18"	108° 48' 00"					C-49-2-B-c
cầu Quảng Ninh	KX	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 47' 08"	108° 47' 59"					C-49-2-B-c
thôn Suối Đá	DC	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 49' 44"	108° 49' 44"					C-49-2-B-c
thôn Suối Rua	DC	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 51' 57"	108° 49' 50"					C-49-2-B-c
núi Ti Ac Mông	SV	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 53' 09"	108° 51' 18"					C-49-2-B-a
cầu Trà Co	KX	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 50' 33"	108° 49' 00"					C-49-2-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
sông Trà Co	TV	xã Phước Tiến	H. Bác Ái			11° 52' 48"	108° 49' 37"	11° 45' 52"	108° 48' 50"	C-49-2-B-a; C-49-2-B-c
thôn Trà Co 1	DC	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 50' 07"	108° 48' 20"					C-49-2-B-c
thôn Trà Co 2	DC	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 50' 34"	108° 48' 36"					C-49-2-B-c
núi Ya Bơ	SV	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 56' 59"	108° 53' 17"					C-49-2-B-a
núi Ya Gú	SV	xã Phước Tiến	H. Bác Ái	11° 54' 39"	108° 52' 59"					C-49-2-B-b
đường tỉnh 705	KX	xã Phước Trung	H. Bác Ái			11° 49' 29"	108° 52' 27"	11° 38' 03"	108° 59' 41"	C-49-2-B-d C-49-2-D-b
sông Cho Mo	TV	xã Phước Trung	H. Bác Ái			11° 45' 03"	108° 55' 05"	11° 43' 48"	108° 48' 32"	C-49-2-B-d; C-49-2-D-a; C-49-2-D-b
suối Cho Mo	TV	xã Phước Trung	H. Bác Ái			11° 46' 04"	108° 55' 19"	11° 45' 40"	108° 54' 11"	C-49-2-B-d
đèo Dốc Gạo	KX	xã Phước Trung	H. Bác Ái	11° 42' 11"	108° 56' 38"					C-49-2-D-b
núi Đô La	SV	xã Phước Trung	H. Bác Ái	11° 45' 58"	108° 55' 44"					C-49-2-B-d
thôn Đồng Dầy	DC	xã Phước Trung	H. Bác Ái	11° 41' 58"	108° 57' 40"					C-49-2-D-b
núi Hao Chu Hy	SV	xã Phước Trung	H. Bác Ái	11° 47' 07"	108° 59' 17"					C-49-2-B-d
núi Hòn Xanh	SV	xã Phước Trung	H. Bác Ái	11° 48' 22"	108° 56' 46"					C-49-2-B-d
Suối Ngang	TV	xã Phước Trung	H. Bác Ái			11° 45' 03"	108° 55' 05"	11° 38' 57"	108° 52' 23"	C-49-2-B-d; C-49-2-D-b
sông Ô Căm	TV	xã Phước Trung	H. Bác Ái			11° 47' 09"	108° 57' 29"	11° 45' 03"	108° 55' 05"	C-49-2-B-d
Núi Phi	SV	xã Phước Trung	H. Bác Ái	11° 43' 12"	108° 59' 31"					C-49-2-D-b
Núi Rã	SV	xã Phước Trung	H. Bác Ái	11° 45' 16"	108° 57' 58"					C-49-2-B-d
thôn Rã Giữa	DC	xã Phước Trung	H. Bác Ái	11° 42' 33"	108° 56' 10"					C-49-2-D-b
thôn Rã Trên	DC	xã Phước Trung	H. Bác Ái	11° 42' 55"	108° 56' 20"					C-49-2-D-b
Núi Rai	SV	xã Phước Trung	H. Bác Ái	11° 44' 40"	108° 53' 31"					C-49-2-D-b
núi Sui Sô Ngang	SV	xã Phước Trung	H. Bác Ái	11° 41' 54"	108° 56' 13"					C-49-2-D-b
thôn Thăm Dú	DC	xã Phước Trung	H. Bác Ái	11° 42' 06"	108° 57' 43"					C-49-2-D-b
hồ Thành Sơn	TV	xã Phước Trung	H. Bác Ái	11° 40' 21"	108° 58' 12"					C-49-2-D-b
Suối Tre	TV	xã Phước Trung	H. Bác Ái			11° 43' 27"	108° 58' 46"	11° 39' 14"	109° 00' 47"	C-49-2-D-b
đường tỉnh 702	KX	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải			11° 35' 46"	109° 02' 04"	11° 43' 18"	109° 11' 39"	C-49-3-C-c
đường tỉnh 704	KX	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải			11° 36' 58"	108° 59' 30"	11° 35' 46"	109° 02' 04"	C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
khu phố Cà Đú	DC	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 34"	109° 00' 43"					C-49-3-C-c

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
núi Cả Đú	SV	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 59"	109° 00' 04"					C-49-3-C-c; C-49-2-D-d
núi Đá Chồng	SV	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 38"	109° 01' 41"					C-49-3-C-c
khu phố Khánh Chữ 1	DC	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 57"	109° 02' 16"					C-49-3-C-c
khu phố Khánh Chữ 2	DC	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 52"	109° 02' 09"					C-49-3-C-c
khu phố Khánh Giang	DC	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 02"	109° 02' 07"					C-49-3-C-c
khu phố Khánh Hiệp	DC	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 28"	109° 01' 48"					C-49-3-C-c
khu phố Khánh Sơn 1	DC	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 55"	109° 01' 56"					C-49-3-C-c
khu phố Khánh Sơn 2	DC	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 09"	109° 01' 50"					C-49-3-C-c
khu phố Khánh Tân	DC	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 48"	109° 02' 08"					C-49-3-C-c
Đầm Nại	TV	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 25"	109° 01' 44"					C-49-3-C-c
khu phố Ninh Chữ 1	DC	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 35"	109° 02' 38"					C-49-3-C-c
khu phố Ninh Chữ 2	DC	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 36"	109° 02' 25"					C-49-3-C-c
Trường Cao đẳng Sư phạm Ninh Thuận	KX	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 09"	109° 02' 02"					C-49-3-C-c
Khách sạn Sài Gòn-Ninh Chữ	KX	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 28"	109° 01' 55"					C-49-3-C-c
cầu Tri Thuỷ	KX	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 19"	109° 02' 02"					C-49-3-C-c
nghĩa trang Triều Châu	KX	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 54"	109° 00' 36"					C-49-3-C-c
đường Trường Chinh	KX	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải			11° 34' 53"	109° 00' 20"	11° 35' 34"	109° 02' 00"	C-49-3-C-c
đường Yên Ninh	KX	TT. Khánh Hải	H. Ninh Hải			11° 35' 46"	109° 02' 04"	11° 33' 01"	109° 01' 24"	C-49-3-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-2-D-b; C-49-2-D-d; C-49-3-C-a
đường tỉnh 704	KX	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải			11° 36' 58"	108° 59' 30"	11° 35' 46"	109° 02' 04"	C-49-2-D-d
đường tỉnh 705	KX	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải			11° 49' 29"	108° 52' 27"	11° 38' 03"	108° 59' 41"	C-49-2-D-d
Kênh Bắc	TV	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải			11° 38' 22"	108° 52' 16"	11° 38' 39"	109° 03' 40"	C-49-2-D-d
thôn Đá Bắn	DC	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 07"	108° 59' 31"					C-49-2-D-d
thôn Gò Gũ	DC	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 23"	109° 00' 32"					C-49-3-C-a
thôn Hộ Diêm	DC	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 16"	109° 00' 11"					C-49-3-C-a
cầu Hộ Diêm 2	KX	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 07"	108° 59' 46"					C-49-2-D-b
mương Lê Đình Chinh	TV	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải			11° 37' 49"	109° 00' 03"	11° 36' 42"	108° 58' 09"	C-49-2-D-b; C-49-2-D-d
cầu Lương Cách	KX	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 02"	108° 59' 41"					C-49-2-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Lương Cách	DC	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 47"	108° 59' 42"					C-49-2-D-b
kênh tiêu lũ Màn Màn	TV	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải			11° 39' 08"	108° 58' 54"	11° 37' 37"	109° 00' 36"	C-49-2-D-b; C-49-3-C-a
Đầm Nại	TV	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 25"	109° 01' 44"					C-49-3-C-a; C-49-3-C-c
Mương Ngang	TV	xã Hộ Hải	H. Ninh Hải			11° 39' 36"	109° 01' 19"	11° 38' 19"	108° 59' 31"	C-49-2-D-b; C-49-3-C-a
đường tỉnh 702	KX	xã Nhơn Hải	H. Ninh Hải			11° 35' 46"	109° 02' 04"	11° 43' 18"	109° 11' 39"	C-49-3-C-c
Núi Dỗ	SV	xã Nhơn Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 47"	109° 07' 05"					C-49-3-C-a
suối Đồng Nha	TV	xã Nhơn Hải	H. Ninh Hải			11° 40' 32"	109° 06' 11"	11° 37' 20"	109° 02' 20"	C-49-3-C-a
núi Hòn Dồ	SV	xã Nhơn Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 56"	109° 05' 56"					C-49-3-C-a
núi Hòn Dung	SV	xã Nhơn Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 33"	109° 05' 20"					C-49-3-C-a
núi Hòn Ngang	SV	xã Nhơn Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 13"	109° 05' 17"					C-49-3-C-c
thôn Khánh Nhơn 1	DC	xã Nhơn Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 29"	109° 05' 53"					C-49-3-C-c
thôn Khánh Nhơn 2	DC	xã Nhơn Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 25"	109° 06' 03"					C-49-3-C-c
thôn Khánh Phước	DC	xã Nhơn Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 45"	109° 06' 01"					C-49-3-C-c
thôn Khánh Tân	DC	xã Nhơn Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 43"	109° 04' 55"					C-49-3-C-a
đường Kiền Kiền-Vĩnh Hy	KX	xã Nhơn Hải	H. Ninh Hải			11° 42' 07"	109° 03' 20"	11° 35' 04"	109° 07' 39"	C-49-3-C-a; C-49-3-C-c
thôn Mỹ Tường 1	DC	xã Nhơn Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 20"	109° 06' 47"					C-49-3-C-c
thôn Mỹ Tường 2	DC	xã Nhơn Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 06"	109° 06' 57"					C-49-3-C-c
kênh Bà Xoài	TV	xã Phương Hải	H. Ninh Hải			11° 40' 38"	109° 02' 42"	11° 38' 20"	109° 01' 55"	C-49-3-C-a
Kênh Bắc	TV	xã Phương Hải	H. Ninh Hải			11° 38' 22"	108° 52' 16"	11° 38' 39"	109° 03' 40"	C-49-3-C-a
suối Đồng Nha	TV	xã Phương Hải	H. Ninh Hải			11° 40' 32"	109° 06' 11"	11° 37' 20"	109° 02' 20"	C-49-3-C-c
cầu Đồng Nha 2	KX	xã Phương Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 27"	109° 02' 59"					C-49-3-C-c
kênh N3.1	TV	xã Phương Hải	H. Ninh Hải			11° 38' 27"	109° 02' 43"	11° 38' 11"	109° 02' 08"	C-49-3-C-a
kênh N3.2	TV	xã Phương Hải	H. Ninh Hải			11° 39' 04"	109° 02' 53"	11° 40' 28"	109° 03' 13"	C-49-3-C-a
Đầm Nại	TV	xã Phương Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 25"	109° 01' 41"					C-49-3-C-a; C-49-3-C-c
thôn Phương Cựu 1	DC	xã Phương Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 04"	109° 02' 28"					C-49-3-C-a
thôn Phương Cựu 2	DC	xã Phương Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 58"	109° 02' 24"					C-49-3-C-a
thôn Phương Cựu 3	DC	xã Phương Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 05"	109° 02' 46"					C-49-3-C-a
Suối Tối	TV	xã Phương Hải	H. Ninh Hải			11° 43' 39"	109° 00' 11"	11° 38' 21"	109° 02' 55"	C-49-3-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Tân Hải	H. Ninh Hải			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-3-C-a
kênh Bà Xoải	TV	xã Tân Hải	H. Ninh Hải			11° 40' 38"	109° 02' 42"	11° 38' 20"	109° 01' 55"	C-49-3-C-a
suối Bầu Dải	TV	xã Tân Hải	H. Ninh Hải			11° 40' 28"	109° 03' 13"	11° 39' 04"	109° 02' 53"	C-49-3-C-a
Cầu Đỏ	KX	xã Tân Hải	H. Ninh Hải	11° 39' 10"	109° 01' 17"					C-49-3-C-a
cầu Gò Đền	KX	xã Tân Hải	H. Ninh Hải	11° 39' 30"	109° 01' 29"					C-49-3-C-a
thôn Gò Đền	DC	xã Tân Hải	H. Ninh Hải	11° 39' 10"	109° 01' 26"					C-49-3-C-a
thôn Gò Thao	DC	xã Tân Hải	H. Ninh Hải	11° 39' 21"	109° 01' 52"					C-49-3-C-a
núi Hòn Thiên	SV	xã Tân Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 59"	109° 01' 11"					C-49-3-C-a
thôn Hòn Thiên	DC	xã Tân Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 04"	109° 01' 10"					C-49-3-C-a
Đầm Nại	TV	xã Tân Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 25"	109° 01' 44"					C-49-3-C-a; C-49-3-C-c
Mương Ngang	TV	xã Tân Hải	H. Ninh Hải			11° 39' 36"	109° 01' 19"	11° 38' 19"	108° 59' 31"	C-49-3-C-a
cầu Ông Chi	KX	xã Tân Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 57"	109° 01' 00"					C-49-3-C-a
cầu Ông Sô	KX	xã Tân Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 53"	109° 00' 55"					C-49-3-C-a
thôn Thuỷ Lợi	DC	xã Tân Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 38"	109° 00' 48"					C-49-3-C-a
Suối Tối	TV	xã Tân Hải	H. Ninh Hải			11° 43' 39"	109° 00' 11"	11° 38' 21"	109° 02' 55"	C-49-3-C-a
cầu Xóm Mới	KX	xã Tân Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 48"	109° 00' 49"					C-49-3-C-a
đường tỉnh 702	KX	xã Thanh Hải	H. Ninh Hải			11° 35' 46"	109° 02' 04"	11° 43' 18"	109° 11' 39"	C-49-3-C-c; C-49-3-C-d
đường Kiền Kiền-Vĩnh Hy	KX	xã Thanh Hải	H. Ninh Hải			11° 42' 07"	109° 03' 20"	11° 35' 04"	109° 07' 39"	C-49-3-C-c; C-49-3-C-d
núi Lăng Cốc	SV	xã Thanh Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 03"	109° 08' 06"					C-49-3-C-d
thôn Mỹ Hiệp	DC	xã Thanh Hải	H. Ninh Hải	11° 34' 38"	109° 07' 09"					C-49-3-C-c
thôn Mỹ Phong	DC	xã Thanh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 13"	109° 07' 16"					C-49-3-C-c
thôn Mỹ Tân 1	DC	xã Thanh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 03"	109° 07' 48"					C-49-3-C-d
thôn Mỹ Tân 2	DC	xã Thanh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 03"	109° 07' 44"					C-49-3-C-d
núi Ông Câu	SV	xã Thanh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 52"	109° 08' 06"					C-49-3-C-d
đường tỉnh 702	KX	xã Tri Hải	H. Ninh Hải			11° 35' 46"	109° 02' 04"	11° 43' 18"	109° 11' 39"	C-49-3-C-c
Xí nghiệp Muối Đầm Vua	KX	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 35"	109° 04' 19"					C-49-3-C-c
Núi Đình	SV	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 26"	109° 02' 24"					C-49-3-C-c
suối Đồng Nha	TV	xã Tri Hải	H. Ninh Hải			11° 40' 32"	109° 06' 11"	11° 37' 20"	109° 02' 20"	C-49-3-C-a; C-49-3-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cầu Đồng Nha 1	KX	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 26"	109° 04' 39"					C-49-3-C-a
cầu Đồng Nha 2	KX	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 27"	109° 02' 59"					C-49-3-C-c
cầu Khánh Hội	KX	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 43"	109° 02' 54"					C-49-3-C-c
thôn Khánh Hội	DC	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 32"	109° 02' 56"					C-49-3-C-c
cầu Khánh Tường	KX	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 05"	109° 03' 30"					C-49-3-C-c
thôn Khánh Tường	DC	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 34"	109° 03' 54"					C-49-3-C-c
đường Kiền Kiền-Vĩnh Hy	KX	xã Tri Hải	H. Ninh Hải			11° 42' 07"	109° 03' 20"	11° 35' 04"	109° 07' 39"	C-49-3-C-a
Núi Một	SV	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 00"	109° 04' 23"					C-49-3-C-c
Đầm Nại	TV	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 25"	109° 01' 44"					C-49-3-C-c
Núi Quýt	SV	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 13"	109° 03' 47"					C-49-3-C-c
thôn Tân An	DC	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 17"	109° 02' 35"					C-49-3-C-c
Suối Tối	TV	xã Tri Hải	H. Ninh Hải			11° 43' 39"	109° 00' 11"	11° 38' 21"	109° 02' 55"	C-49-3-C-a
Xí nghiệp Muối Tri Hải	KX	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 13"	109° 03' 29"					C-49-3-C-a
cầu Tri Thuỷ	KX	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 19"	109° 02' 02"					C-49-3-C-c
thôn Tri Thuỷ 1	DC	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 35"	109° 02' 16"					C-49-3-C-c
thôn Tri Thuỷ 2	DC	xã Tri Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 41"	109° 02' 09"					C-49-3-C-c
đường tỉnh 702	KX	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải			11° 35' 46"	109° 02' 04"	11° 43' 18"	109° 11' 39"	C-49-3-C-b; C-49-3-C-d
núi Bà Dương	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 42' 19"	109° 08' 17"					C-49-3-C-b
núi Bầu Ông Gi	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 30"	109° 09' 58"					C-49-3-C-b
thôn Cầu Gãy	DC	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 43' 50"	109° 11' 10"					C-49-3-C-b
Núi Chén	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 41' 21"	109° 07' 44"					C-49-3-C-b
Núi Chúa	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 44' 35"	109° 08' 17"					C-49-3-C-b
Núi Cọc	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 41' 12"	109° 10' 59"					C-49-3-C-b
dốc Dinh Bà	KX	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 06"	109° 09' 36"					C-49-3-C-b
thôn Đá Hang	DC	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 42' 13"	109° 09' 24"					C-49-3-C-b
núi Đá Vách	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 43' 43"	109° 14' 02"					C-49-3-C-b
núi Giếng Bẹn	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 51"	109° 08' 53"					C-49-3-C-b
núi Giếng Nắp	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 25"	109° 08' 28"					C-49-3-C-d
suối Hố Bình	TV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải			11° 39' 41"	109° 09' 14"	11° 39' 37"	109° 09' 54"	C-49-3-C-b
suối Hố Quạt	TV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải			11° 39' 50"	109° 07' 52"	11° 39' 27"	109° 09' 50"	C-49-3-C-b
núi Láng Bà Chiêu	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 45' 12"	109° 10' 41"					C-49-3-A-d; C-49-3-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
núi Láng Chổi	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 37"	109° 09' 43"					C-49-3-C-b
núi Lăng Cốc	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 37' 03"	109° 08' 06"					C-49-3-C-d
Núi Một	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 40' 13"	109° 10' 23"					C-49-3-C-b
thôn Mỹ Hoà	DC	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 36' 59"	109° 08' 46"					C-49-3-C-d
Vườn quốc gia Núi Chúa	KX	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 44' 35"	109° 08' 17"					C-49-3-C-b
suối Nước Đỏ	TV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải			11° 46' 08"	109° 11' 02"	11° 46' 40"	109° 12' 00"	C-49-3-A-d
suối Nước Ngọt	TV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải			11° 43' 07"	109° 08' 02"	11° 41' 22"	109° 09' 22"	C-49-3-A-d
suối Nước Ngọt	TV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải			11° 46' 23"	109° 08' 17"	11° 48' 33"	109° 09' 18"	C-49-3-C-b
núi Ông Câu	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 35' 52"	109° 08' 06"					C-49-3-C-d
suối Ông Luận	TV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải			11° 37' 45"	109° 08' 17"	11° 39' 49"	109° 10' 19"	C-49-3-C-b
núi Ông Thỏ	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 42' 25"	109° 07' 52"					C-49-3-C-b
núi Rừng Hồ	SV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 45"	109° 07' 55"					C-49-3-C-b
Suối Sâu	TV	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải			11° 42' 23"	109° 10' 41"	11° 41' 59"	109° 11' 28"	C-49-3-C-b
thôn Thái An	DC	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 39' 47"	109° 10' 12"					C-49-3-C-b
thôn Vĩnh Hy	DC	xã Vĩnh Hải	H. Ninh Hải	11° 43' 16"	109° 11' 42"					C-49-3-C-b
đường tỉnh 705	KX	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải			11° 49' 29"	108° 52' 27"	11° 38' 03"	108° 59' 41"	C-49-2-D-b
thôn An Hoà	DC	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 54"	108° 58' 26"					C-49-2-D-b
cầu An Hoà	KX	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 58"	108° 58' 29"					C-49-2-D-b
thôn An Nhơn	DC	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 42"	108° 59' 20"					C-49-2-D-b
thôn An Xuân 1	DC	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 38"	108° 59' 12"					C-49-2-D-b
thôn An Xuân 2	DC	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 47"	108° 59' 16"					C-49-2-D-b
thôn An Xuân 3	DC	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 39' 17"	108° 59' 03"					C-49-2-D-b
Kênh Bắc	TV	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải			11° 38' 22"	108° 52' 16"	11° 38' 39"	109° 03' 40"	C-49-2-D-b; C-49-3-C-a
Cầu Cao	KX	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 26"	108° 59' 24"					C-49-2-D-b
kênh tiêu lũ Mản Màn	TV	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải			11° 39' 08"	108° 58' 54"	11° 37' 37"	109° 00' 36"	C-49-2-D-b
suối Màn Màn	TV	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải			11° 40' 06"	108° 58' 21"	11° 38' 24"	108° 59' 22"	C-49-2-D-b
Mương Ngang	TV	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải			11° 39' 36"	109° 01' 19"	11° 38' 19"	108° 59' 31"	C-49-3-C-a
ga Phước Nhơn	KX	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 40' 04"	108° 59' 31"					C-49-2-D-b
thôn Phước Nhơn 1	DC	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 39' 54"	109° 00' 07"					C-49-3-C-a
thôn Phước Nhơn 2	DC	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 39' 55"	108° 59' 59"					C-49-2-D-b
thôn Phước Nhơn 3	DC	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 39' 30"	108° 59' 38"					C-49-2-D-b
thôn Thành Sơn	DC	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 38' 37"	108° 58' 32"					C-49-2-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Suối Tối	TV	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải			11° 43' 39"	109° 00' 11"	11° 38' 21"	109° 02' 55"	C-49-2-D-b; C-49-3-C-a
Cầu Trắng	KX	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 39' 16"	108° 59' 09"					C-49-2-D-b
Suối Tre	TV	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải			11° 43' 27"	108° 58' 46"	11° 39' 14"	109° 00' 47"	C-49-2-D-b; C-49-3-C-a
Cầu Xe	KX	xã Xuân Hải	H. Ninh Hải	11° 39' 12"	108° 59' 02"					C-49-2-D-b
Khu phố 1	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 36"	108° 54' 52"					C-49-2-D-d
quốc lộ 1A	KX	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-2-D-d
Khu phố 2	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 32"	108° 55' 09"					C-49-2-D-d
Khu phố 3	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 31"	108° 55' 13"					C-49-2-D-d
Khu phố 4	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 33"	108° 55' 24"					C-49-2-D-d
Khu phố 5	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 29"	108° 55' 35"					C-49-2-D-d
Khu phố 6	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 30' 58"	108° 55' 26"					C-49-2-D-d
Khu phố 8	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 32' 46"	108° 57' 18"					C-49-2-D-d
Khu phố 9	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 32' 25"	108° 57' 17"					C-49-2-D-d
khu phố 10	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 32' 35"	108° 57' 03"					C-49-2-D-d
khu phố 12	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 51"	108° 55' 39"					C-49-2-D-d
khu phố 13	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 12"	108° 56' 24"					C-49-2-D-d
khu phố 14	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 47"	108° 55' 13"					C-49-2-D-d
khu phố 15	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 32' 38"	108° 57' 27"					C-49-2-D-d
đường tỉnh 703	KX	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước			11° 35' 43"	108° 56' 55"	11° 31' 22"	108° 55' 21"	C-49-2-D-d
khu phố Bàu Trúc	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 57"	108° 55' 29"					C-49-2-D-d
cầu Bình Quý	KX	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 32' 28"	108° 57' 06"					C-49-2-D-d
cầu Chung Mỹ	KX	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 00"	108° 55' 17"					C-49-2-D-d
Suối Găn	TV	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước			11° 27' 25"	108° 55' 55"	11° 31' 13"	108° 55' 19"	C-49-2-D-d; C-49-14-B-d; C-49-15-A-a
cầu Hộ Tại	KX	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 32' 15"	108° 56' 41"					C-49-2-D-d
Sông Lu	TV	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước			11° 29' 31"	108° 47' 06"	11° 32' 31"	109° 00' 32"	C-49-2-D-d
sông Lu 1	TV	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước			11° 31' 25"	108° 54' 53"	11° 33' 19"	108° 55' 53"	C-49-2-D-d
cầu Mỹ Nghiệp	KX	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 27"	108° 55' 44"					C-49-2-D-d
khu phố Mỹ Nghiệp	DC	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 26"	108° 56' 28"					C-49-2-D-d
Kênh Nam	TV	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước			11° 38' 16"	108° 52' 03"	11° 31' 51"	108° 59' 19"	C-49-2-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cầu Phú Quý	KX	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 17"	108° 55' 12"					C-49-2-D-d
Nhà máy xử lý Nước Phước Dân	KX	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 31' 05"	108° 55' 01"					C-49-2-D-d
Sông Quao	TV	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước			11° 35' 46"	108° 52' 30"	11° 33' 18"	108° 58' 59"	C-49-2-D-d
cầu Ý Lợi	KX	TT. Phước Dân	H. Ninh Phước	11° 32' 20"	108° 56' 51"					C-49-2-D-d
quốc lộ 1A	KX	xã An Hải	H. Ninh Phước			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-2-D-d
đường tỉnh 708	KX	xã An Hải	H. Ninh Phước			11° 40' 23"	108° 48' 54"	11° 35' 13"	108° 56' 43"	C-49-2-D-d
đường tỉnh 710	KX	xã An Hải	H. Ninh Phước			11° 33' 01"	108° 59' 01"	11° 38' 36"	108° 57' 40"	C-49-2-D-d
thôn An Thạnh 1	DC	xã An Hải	H. Ninh Phước	11° 32' 32"	108° 59' 42"					C-49-2-D-d
thôn An Thạnh 2	DC	xã An Hải	H. Ninh Phước	11° 32' 28"	108° 59' 36"					C-49-2-D-d
Sông Dinh	TV	xã An Hải	H. Ninh Phước			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
thôn Hoà Thạnh	DC	xã An Hải	H. Ninh Phước	11° 31' 54"	109° 00' 14"					C-49-3-C-c
cầu Long Bình	KX	xã An Hải	H. Ninh Phước	11° 32' 59"	108° 58' 42"					C-49-2-D-d
thôn Long Bình 1	DC	xã An Hải	H. Ninh Phước	11° 33' 03"	108° 58' 29"					C-49-2-D-d
thôn Long Bình 2	DC	xã An Hải	H. Ninh Phước	11° 33' 03"	108° 58' 05"					C-49-2-D-d
Sông Lu	TV	xã An Hải	H. Ninh Phước			11° 29' 31"	108° 47' 06"	11° 32' 31"	109° 00' 32"	C-49-2-D-d; C-49-3-C-c
Kênh Nam	TV	xã An Hải	H. Ninh Phước			11° 38' 16"	108° 52' 03"	11° 31' 51"	108° 59' 19"	C-49-2-D-d
thôn Nam Cương	DC	xã An Hải	H. Ninh Phước	11° 30' 54"	108° 59' 28"					C-49-3-C-c
Sông Quao	TV	xã An Hải	H. Ninh Phước			11° 35' 46"	108° 52' 30"	11° 33' 18"	108° 58' 59"	C-49-2-D-d
cầu Sông Quao	KX	xã An Hải	H. Ninh Phước	11° 33' 36"	108° 58' 25"					C-49-2-D-d
cầu Tuấn Tú	KX	xã An Hải	H. Ninh Phước	11° 32' 01"	108° 59' 41"					C-49-2-D-d
thôn Tuấn Tú	DC	xã An Hải	H. Ninh Phước	11° 31' 35"	108° 59' 31"					C-49-3-C-c
đường tỉnh 710	KX	xã Phước Hải	H. Ninh Phước			11° 33' 01"	108° 59' 01"	11° 38' 36"	108° 57' 40"	C-49-2-D-d; C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
hồ Bầu Ngứ	TV	xã Phước Hải	H. Ninh Phước	11° 28' 21"	108° 57' 36"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
đình Hoà Thuỷ	KX	xã Phước Hải	H. Ninh Phước	11° 30' 36"	108° 58' 04"					C-49-2-D-d
thôn Hoà Thuỷ	DC	xã Phước Hải	H. Ninh Phước	11° 30' 22"	108° 57' 47"					C-49-2-D-d
Sông Lu	TV	xã Phước Hải	H. Ninh Phước			11° 29' 31"	108° 47' 06"	11° 32' 31"	109° 00' 32"	C-49-2-D-d
Kênh Nam	TV	xã Phước Hải	H. Ninh Phước			11° 38' 16"	108° 52' 03"	11° 31' 51"	108° 59' 19"	C-49-2-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối Tam Lang	TV	xã Phước Hải	H. Ninh Phước			11° 28' 34"	108° 57' 32"	11° 30' 00"	108° 55' 26"	C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
chùa Thành Tín	KX	xã Phước Hải	H. Ninh Phước	11° 30' 37"	108° 58' 06"					C-49-2-D-d
thôn Thành Tín	DC	xã Phước Hải	H. Ninh Phước	11° 30' 22"	108° 57' 47"					C-49-2-D-d
chùa Từ Tâm	KX	xã Phước Hải	H. Ninh Phước	11° 31' 38"	108° 57' 33"					C-49-2-D-d
đình Từ Tâm	KX	xã Phước Hải	H. Ninh Phước	11° 31' 39"	108° 57' 36"					C-49-2-D-d
thôn Từ Tâm 1	DC	xã Phước Hải	H. Ninh Phước	11° 31' 31"	108° 57' 39"					C-49-2-D-d
thôn Từ Tâm 2	DC	xã Phước Hải	H. Ninh Phước	11° 31' 26"	108° 57' 43"					C-49-2-D-d
đường tỉnh 703	KX	xã Phước Hậu	H. Ninh Phước			11° 35' 43"	108° 56' 55"	11° 31' 22"	108° 55' 21"	C-49-2-D-d
Mương Cái	TV	xã Phước Hậu	H. Ninh Phước			11° 36' 40"	108° 52' 44"	11° 35' 32"	108° 55' 15"	C-49-2-D-d
Cầu Chá	KX	xã Phước Hậu	H. Ninh Phước	11° 34' 55"	108° 54' 03"					C-49-2-D-d
thôn Chất Thường	DC	xã Phước Hậu	H. Ninh Phước	11° 35' 11"	108° 54' 36"					C-49-2-D-d
thôn Hiếu Lễ	DC	xã Phước Hậu	H. Ninh Phước	11° 34' 53"	108° 55' 23"					C-49-2-D-d
thôn Hoài Nhơn	DC	xã Phước Hậu	H. Ninh Phước	11° 35' 31"	108° 54' 31"					C-49-2-D-d
cầu Mương Cái	KX	xã Phước Hậu	H. Ninh Phước	11° 36' 01"	108° 53' 49"					C-49-2-D-d
thôn Phước Đồng 1	DC	xã Phước Hậu	H. Ninh Phước	11° 34' 22"	108° 55' 57"					C-49-2-D-d
thôn Phước Đồng 2	DC	xã Phước Hậu	H. Ninh Phước	11° 34' 42"	108° 55' 41"					C-49-2-D-d
Sông Quao	TV	xã Phước Hậu	H. Ninh Phước			11° 35' 46"	108° 52' 30"	11° 33' 18"	108° 58' 59"	C-49-2-D-d
thôn Trường Sanh	DC	xã Phước Hậu	H. Ninh Phước	11° 33' 47"	108° 55' 59"					C-49-2-D-d
thôn Trường Thọ	DC	xã Phước Hậu	H. Ninh Phước	11° 34' 11"	108° 55' 23"					C-49-2-D-d
hồ Bầu Dôn	TV	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước	11° 32' 12"	108° 52' 11"					C-49-2-D-c
núi Đồi Hai	SV	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước	11° 32' 21"	108° 48' 50"					C-49-2-D-c
thôn Hậu Sanh	DC	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước	11° 30' 23"	108° 52' 44"					C-49-2-D-d
thôn Hữu Đức	DC	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước	11° 32' 22"	108° 53' 43"					C-49-2-D-d
thôn La Chữ	DC	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước	11° 31' 15"	108° 54' 18"					C-49-2-D-d
Sông Lu	TV	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước			11° 29' 31"	108° 47' 06"	11° 32' 31"	109° 00' 32"	C-49-2-D-d; C-49-14-B-a; C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
sông Lu 1	TV	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước			11° 31' 25"	108° 54' 53"	11° 33' 19"	108° 55' 53"	C-49-2-D-d
thôn Mông Đức	DC	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước	11° 31' 41"	108° 54' 29"					C-49-2-D-d
Kênh Nam	TV	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước			11° 38' 16"	108° 52' 03"	11° 31' 51"	108° 59' 19"	C-49-2-D-d
thôn Nhuận Đức	DC	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước	11° 31' 25"	108° 54' 43"					C-49-2-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
tháp Pô Rô Mê	KX	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước	11° 30' 10"	108° 51' 50"					C-49-2-D-c
Sông Quao	TV	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước			11° 35' 46"	108° 52' 30"	11° 33' 18"	108° 58' 59"	C-49-2-D-d
núi Tà Bằng	SV	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước	11° 34' 04"	108° 51' 22"					C-49-2-D-c
hồ Tà Ranh	TV	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước	11° 33' 18"	108° 51' 31"					C-49-2-D-c
suối Tà Ranh	TV	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước			11° 32' 51"	108° 51' 32"	11° 33' 53"	108° 54' 25"	C-49-2-D-c
thôn Tân Đức	DC	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước	11° 32' 39"	108° 53' 25"					C-49-2-D-d
thôn Thành Đức	DC	xã Phước Hữu	H. Ninh Phước	11° 32' 10"	108° 53' 24"					C-49-2-D-d
đường tỉnh 708	KX	xã Phước Sơn	H. Ninh Phước			11° 40' 23"	108° 48' 54"	11° 35' 13"	108° 56' 43"	C-49-2-D-d
Sông Dinh	TV	xã Phước Sơn	H. Ninh Phước			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-2-D-d
đập Lâm Cấm	KX	xã Phước Sơn	H. Ninh Phước	11° 35' 50"	108° 56' 20"					C-49-2-D-d
Cầu Lầu	KX	xã Phước Sơn	H. Ninh Phước	11° 36' 52"	108° 52' 41"					C-49-2-D-d
Kênh Nam	TV	xã Phước Sơn	H. Ninh Phước			11° 38' 16"	108° 52' 03"	11° 31' 51"	108° 59' 19"	C-49-2-D-a; C-49-2-D-c; C-49-2-D-d
đập Nha Trinh	KX	xã Phước Sơn	H. Ninh Phước	11° 38' 16"	108° 52' 03"					C-49-2-D-a
thôn Ninh Quý 1	DC	xã Phước Sơn	H. Ninh Phước	11° 36' 48"	108° 54' 22"					C-49-2-D-d
thôn Ninh Quý 2	DC	xã Phước Sơn	H. Ninh Phước	11° 36' 34"	108° 55' 08"					C-49-2-D-d
thôn Ninh Quý 3	DC	xã Phước Sơn	H. Ninh Phước	11° 35' 54"	108° 55' 59"					C-49-2-D-d
thôn Phước Thiện 1	DC	xã Phước Sơn	H. Ninh Phước	11° 36' 58"	108° 53' 48"					C-49-2-D-d
thôn Phước Thiện 2	DC	xã Phước Sơn	H. Ninh Phước	11° 36' 56"	108° 53' 35"					C-49-2-D-d
thôn Phước Thiện 3	DC	xã Phước Sơn	H. Ninh Phước	11° 36' 58"	108° 53' 10"					C-49-2-D-d
Mương Tháo	TV	xã Phước Sơn	H. Ninh Phước			11° 35' 32"	108° 55' 15"	11° 35' 37"	108° 56' 20"	C-49-2-D-d
Cầu Chá	KX	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 34' 55"	108° 54' 03"					C-49-2-D-d
Núi Chông	SV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 35' 12"	108° 52' 03"					C-49-2-D-c
núi Com Lom	SV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 37' 52"	108° 44' 35"					C-49-2-C-b
Núi Dao	SV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 37' 28"	108° 45' 32"					C-49-2-D-a; C-49-2-D-c
thôn Đá Trắng	DC	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 33' 31"	108° 53' 24"					C-49-2-D-d
núi Đồi Hai	SV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 32' 21"	108° 48' 50"					C-49-2-D-c
núi Gia Túc	SV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 35' 52"	108° 43' 59"					C-49-2-C-d
núi Ha Ngo	SV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 33' 45"	108° 47' 53"					C-49-2-D-c
thôn Hoài Ni	DC	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 35' 02"	108° 53' 35"					C-49-2-D-d
thôn Hoài Trung	DC	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 34' 45"	108° 53' 06"					C-49-2-D-d

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối Lanh Ra	TV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước			11° 34' 12"	108° 43' 48"	11° 35' 55"	108° 45' 54"	C-49-2-C-d C-49-2-D-c
Suối Liều	TV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước			11° 33' 15"	108° 53' 20"	11° 33' 19"	108° 54' 32"	C-49-2-D-d
Kênh Nam	TV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước			11° 38' 16"	108° 52' 03"	11° 31' 51"	108° 59' 19"	C-49-2-D-d
Suối Ngang	TV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước			11° 36' 08"	108° 46' 16"	11° 37' 25"	108° 49' 30"	C-49-2-D-c
thôn Như Bình	DC	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 33' 57"	108° 53' 46"					C-49-2-D-d
thôn Như Ngọc	DC	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 33' 32"	108° 53' 42"					C-49-2-D-d
Suối Nung	TV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước			11° 36' 24"	108° 44' 28"	11° 36' 08"	108° 46' 16"	C-49-2-D-c
Sông Quao	TV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước			11° 35' 46"	108° 52' 30"	11° 33' 18"	108° 58' 59"	C-49-2-D-d
suối Ra Pa Pôn	TV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước			11° 33' 17"	108° 48' 00"	11° 28' 46"	108° 49' 19"	C-49-2-D-c
núi Sa Rá	SV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 36' 04"	108° 47' 02"					C-49-2-D-c
núi Tà Bằng	SV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 34' 04"	108° 51' 22"					C-49-2-D-c
thôn Tà Dương	DC	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 34' 53"	108° 52' 59"					C-49-2-D-d
hồ Tà Ranh	TV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 33' 18"	108° 51' 31"					C-49-2-D-c
suối Tà Ranh	TV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước			11° 32' 51"	108° 51' 32"	11° 33' 53"	108° 54' 25"	C-49-2-D-c; C-49-2-D-d
suối Tầm Rá	TV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước			11° 33' 46"	108° 47' 33"	11° 37' 19"	108° 49' 57"	C-49-2-D-c
thôn Thái Giao	DC	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 34' 39"	108° 53' 28"					C-49-2-D-d
thôn Thái Hòa	DC	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 34' 30"	108° 53' 22"					C-49-2-D-d
núi Y Bo	SV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 33' 00"	108° 47' 31"					C-49-2-D-c
suối Ya Hạc	TV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước			11° 34' 25"	108° 45' 58"	11° 36' 05"	108° 48' 47"	C-49-2-D-c
núi Ya Huê	SV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 36' 55"	108° 43' 52"					C-49-2-C-d
núi Ya Lai	SV	xã Phước Thái	H. Ninh Phước	11° 35' 40"	108° 49' 26"					C-49-2-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-2-D-d
đường tỉnh 703	KX	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước			11° 35' 43"	108° 56' 55"	11° 31' 22"	108° 55' 21"	C-49-2-D-d
đường tỉnh 708	KX	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước			11° 40' 23"	108° 48' 54"	11° 35' 13"	108° 56' 43"	C-49-2-D-d
chùa An Lạc	KX	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước	11° 34' 06"	108° 58' 23"					C-49-2-D-d
Bệnh viện Bệnh Lao và Bệnh Phổi	KX	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước	11° 33' 55"	108° 58' 47"					C-49-2-D-d
Sông Dinh	TV	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-2-D-d
cầu Đạo Long 2	KX	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước	11° 34' 12"	108° 58' 46"					C-49-2-D-d
thôn Hiệp Hoà	DC	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước	11° 35' 08"	108° 57' 16"					C-49-2-D-d
thôn Phú Nhuận	DC	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước	11° 35' 02"	108° 56' 52"					C-49-2-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Phước Điền	KX	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước	11° 34' 30"	108° 57' 43"					C-49-2-D-d
thôn Phước Khánh	DC	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước	11° 34' 04"	108° 58' 30"					C-49-2-D-d
chùa Phước Lâm	KX	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước	11° 34' 23"	108° 57' 03"					C-49-2-D-d
thôn Phước Lợi	DC	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước	11° 33' 48"	108° 58' 43"					C-49-2-D-d
Sông Quao	TV	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước			11° 35' 46"	108° 52' 30"	11° 33' 18"	108° 58' 59"	C-49-2-D-d
cầu Sông Quao	KX	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước	11° 33' 36"	108° 58' 25"					C-49-2-D-d
thôn Thuận Hoà	DC	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước	11° 34' 21"	108° 57' 54"					C-49-2-D-d
thôn Thuận Lợi	DC	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước	11° 33' 51"	108° 57' 05"					C-49-2-D-d
thôn Vạn Phước	DC	xã Phước Thuận	H. Ninh Phước	11° 34' 27"	108° 56' 56"					C-49-2-D-d
đường tỉnh 708	KX	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước			11° 40' 23"	108° 48' 54"	11° 35' 13"	108° 56' 43"	C-49-2-D-a; C-49-2-D-c; C-49-2-D-d
thôn Bảo Vinh	DC	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước	C-49-2-D-a	11° 38' 59"	108° 51' 18"				C-49-2-D-a
Kênh Chàm	TV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước			11° 36' 40"	108° 52' 44"	11° 35' 37"	108° 56' 20"	C-49-2-D-d
Núi Chông	SV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước	11° 35' 12"	108° 52' 03"					C-49-2-D-c
Sông Dinh	TV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-2-D-a
Núi Đỏ	SV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước	11° 38' 11"	108° 50' 02"					C-49-2-D-a
hồ Lanh Ra	TV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước	11° 37' 07"	108° 49' 57"					C-49-2-D-c
suối Lanh Ra	TV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước			11° 37' 08"	108° 50' 32"	11° 35' 46"	108° 52' 30"	C-49-2-D-c
Cầu Lầu	KX	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước	11° 36' 52"	108° 52' 41"					C-49-2-D-d
thôn Liên Sơn 1	DC	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước	11° 37' 20"	108° 51' 40"					C-49-2-D-a; C-49-2-D-c; C-49-2-D-d
thôn Liên Sơn 2	DC	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước	11° 37' 40"	108° 51' 06"					C-49-2-D-a
Suối Me	TV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước			11° 35' 46"	108° 52' 30"	11° 39' 12"	108° 51' 35"	C-49-2-D-a
Kênh Nam	TV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước			11° 38' 16"	108° 52' 03"	11° 31' 51"	108° 59' 19"	C-49-2-D-a; C-49-2-D-c; C-49-2-D-d
Suối Ngang	TV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước			11° 36' 08"	108° 46' 16"	11° 37' 25"	108° 49' 30"	C-49-2-D-c
đập Nha Trinh	KX	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước	11° 38' 16"	108° 52' 03"					C-49-2-D-a
thôn Phước An 1	DC	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước	11° 36' 15"	108° 52' 37"					C-49-2-D-c; C-49-2-D-d
thôn Phước An 2	DC	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước	11° 36' 47"	108° 52' 22"					C-49-2-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Sông Quao	TV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước			11° 35' 46"	108° 52' 30"	11° 33' 18"	108° 58' 59"	C-49-2-D-c; C-49-2-D-d
Suối So	TV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước			11° 35' 10"	108° 49' 26"	11° 36' 52"	108° 51' 08"	C-49-2-D-c
cồn Sông Lấp	TV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước	11° 38' 51"	108° 52' 16"					C-49-2-D-a
suối Tầm Rá	TV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước			11° 33' 46"	108° 47' 33"	11° 37' 19"	108° 49' 57"	C-49-2-D-c
núi Ya Lai	SV	xã Phước Vinh	H. Ninh Phước	11° 35' 40"	108° 49' 26"					C-49-2-D-c
Khu phố 1	DC	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 00"	108° 46' 17"					C-49-2-B-c
Khu phố 2	DC	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 46' 48"	108° 46' 33"					C-49-2-B-c
Khu phố 3	DC	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 46' 40"	108° 46' 57"					C-49-2-B-c
Khu phố 4	DC	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 45' 59"	108° 47' 27"					C-49-2-B-c
Khu phố 5	DC	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 46' 40"	108° 47' 31"					C-49-2-B-c
Khu phố 6	DC	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 08"	108° 46' 24"					C-49-2-B-c
Khu phố 7	DC	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 46' 56"	108° 46' 40"					C-49-2-B-c
Khu phố 8	DC	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 46' 22"	108° 47' 18"					C-49-2-B-c
quốc lộ 27	KX	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn			11° 34' 32"	108° 58' 51"	11° 50' 09"	108° 38' 37"	C-49-2-B-c
quốc lộ 27B	KX	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn			11° 46' 25"	108° 47' 14"	11° 53' 03"	109° 03' 07"	C-49-2-B-c
đường tỉnh 707	KX	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn			12° 02' 26"	108° 49' 02"	11° 46' 59"	108° 47' 51"	C-49-2-B-c
Sông Cái	TV	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn			12° 00' 00"	108° 48' 40"	11° 39' 24"	108° 51' 58"	C-49-2-B-c
kênh Chính Đông	TV	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn			11° 50' 38"	108° 43' 52"	11° 46' 25"	108° 47' 50"	C-49-2-B-c
kênh Chính Tây	TV	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn			11° 50' 40"	108° 43' 52"	11° 45' 01"	108° 46' 37"	C-49-2-B-c
Nhà máy Nước khoáng Krông Pha	KX	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 17"	108° 45' 58"					C-49-2-B-c
Suối Môn	TV	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn			11° 46' 11"	108° 46' 08"	11° 44' 16"	108° 48' 22"	C-49-2-B-c
Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trường Tộ	KX	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 03"	108° 46' 32"					C-49-2-B-c
cầu Ninh Bình	KX	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 46' 30"	108° 47' 24"					C-49-2-B-c
Sông Ông	TV	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn			11° 49' 32"	108° 40' 16"	11° 44' 59"	108° 48' 29"	C-49-2-B-c
cầu Quảng Ninh	KX	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 08"	108° 47' 59"					C-49-2-B-c
nhà thờ Song Mỹ	KX	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 46' 54"	108° 46' 26"					C-49-2-B-c
cầu Tân Lập	KX	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 28"	108° 46' 41"					C-49-2-B-c
chùa Tân Sơn	KX	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 46' 54"	108° 46' 39"					C-49-2-B-c
Trường Tiểu học Tân Sơn A	KX	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 46' 57"	108° 46' 28"					C-49-2-B-c
Trường Tiểu học Tân Sơn B	KX	TT. Tân Sơn	H. Ninh Sơn	11° 46' 11"	108° 47' 22"					C-49-2-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối Cá Trê	TV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn			11° 41' 35"	108° 43' 29"	11° 41' 22"	108° 44' 59"	C-49-2-C-b
Suối Cát	TV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn			11° 45' 24"	108° 44' 31"	11° 43' 06"	108° 46' 13"	C-49-2-A-d
Sông Dầu	TV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn			11° 44' 24"	108° 43' 28"	11° 42' 54"	108° 46' 08"	C-49-2-C-b; C-49-2-D-a
Hòn Đá	SV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 31"	108° 43' 37"					C-49-2-C-b
Hòn Đỏ	SV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 32"	108° 44' 10"					C-49-2-C-b
cầu Hoà Sơn	KX	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 39"	108° 45' 45"					C-49-2-D-a
núi Hòn Một	SV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn	11° 41' 27"	108° 46' 08"					C-49-2-D-a
sông Ki Ao	TV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn			11° 44' 24"	108° 43' 28"	11° 42' 54"	108° 46' 08"	C-49-2-C-b; C-49-2-D-a
sông Ma Nới	TV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn			11° 39' 25"	108° 41' 08"	11° 41' 21"	108° 44' 59"	C-49-2-C-b; C-49-2-D-a
Núi Ngà	SV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 27"	108° 42' 14"					C-49-2-C-b
suối Ông Bốn	TV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn			11° 42' 49"	108° 41' 58"	11° 43' 34"	108° 44' 13"	C-49-2-C-b
Sông Pao	TV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn			11° 41' 12"	108° 41' 56"	11° 40' 05"	108° 42' 36"	C-49-2-C-b
núi Prông	SV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn	11° 41' 59"	108° 42' 00"					C-49-2-C-b
suối Sa Ru	TV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn			11° 38' 03"	108° 44' 10"	11° 41' 40"	108° 45' 54"	C-49-2-C-b; C-49-2-D-a
cầu Sông Than	KX	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 28"	108° 45' 52"					C-49-2-D-a
thôn Tân Bình	DC	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 08"	108° 45' 33"					C-49-2-D-a
thôn Tân Định	DC	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn	11° 43' 03"	108° 45' 04"					C-49-2-D-a
thôn Tân Hiệp	DC	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 39"	108° 46' 23"					C-49-2-D-a
thôn Tân Hoà	DC	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 08"	108° 45' 43"					C-49-2-D-a
thôn Tân Lập	DC	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 30"	108° 45' 40"					C-49-2-D-a
thôn Tân Tiến	DC	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 25"	108° 45' 58"					C-49-2-D-a
Sông Than	TV	xã Hoà Sơn	H. Ninh Sơn			11° 41' 21"	108° 44' 59"	11° 42' 33"	108° 48' 41"	C-49-2-C-b; C-49-2-D-a
quốc lộ 27	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn			11° 34' 32"	108° 58' 51"	11° 50' 09"	108° 38' 37"	C-49-2-A-d
chùa Bửu Lâm	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 50' 00"	108° 41' 17"					C-49-2-A-d
Suối Cát	TV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn			11° 51' 23"	108° 41' 13"	11° 50' 45"	108° 42' 40"	C-49-2-A-d
kênh Chính Đông	TV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn			11° 50' 38"	108° 43' 52"	11° 46' 25"	108° 47' 50"	C-49-2-A-d
kênh Chính Tây	TV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn			11° 50' 40"	108° 43' 52"	11° 45' 01"	108° 46' 37"	C-49-2-A-d
Núi Chuẩn	SV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 55' 21"	108° 40' 59"					C-49-2-A-b

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cầu Cơ Giới	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 48' 33"	108° 43' 55"					C-49-2-A-d
Nhà máy Thuỷ điện Đa Nhim	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 50' 15"	108° 40' 48"					C-49-2-A-d
suối Gia Chiêu	TV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn			11° 52' 19"	108° 39' 07"	11° 49' 52"	108° 42' 25"	C-49-2-A-b; C-49-2-A-d
thôn Gòn 1	DC	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 49' 25"	108° 41' 43"					C-49-2-A-d
thôn Gòn 2	DC	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 49' 31"	108° 42' 07"					C-49-2-A-d
Nhà máy Thuỷ điện Hạ Sông Pha	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 50' 04"	108° 40' 52"					C-49-2-A-d
núi Hòn Bà	SV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 05"	109° 05' 31"					C-49-2-A-d
núi Hòn Vàng	SV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 50' 45"	108° 44' 49"					C-49-2-A-d
cầu Kênh Sả	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 49' 58"	108° 41' 00"					C-49-2-A-d
thôn Lâm Bình	DC	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 49' 57"	108° 41' 24"					C-49-2-A-d
thôn Lâm Hoà	DC	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 49' 59"	108° 41' 11"					C-49-2-A-d
thôn Lâm Phú	DC	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 49' 49"	108° 41' 56"					C-49-2-A-d
thôn Lâm Quý	DC	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 49' 24"	108° 42' 22"					C-49-2-A-d
thôn Lập Lá	DC	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 48' 50"	108° 43' 09"					C-49-2-A-d
Trường Trung học cơ sở Lê Lợi	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 49' 36"	108° 42' 11"					C-49-2-A-d
Suối Mây	TV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn			11° 47' 49"	108° 43' 8"	11° 48' 01"	108° 45' 22"	C-49-2-A-d
Công ty Điện lực Miền Trung	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 49' 05"	108° 42' 54"					C-49-2-A-d
đèo Ngoạn Mục	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 50' 07"	108° 38' 38"					C-49-2-A-d
Cầu Nhật	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 49' 59"	108° 41' 01"					C-49-2-A-d
Sông Ông	TV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn			11° 49' 32"	108° 40' 16"	11° 44' 59"	108° 48' 29"	C-49-2-A-d
suối Sa Ra	TV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn			11° 51' 29"	108° 42' 11"	11° 50' 34"	108° 43' 05"	C-49-2-A-d
suối Sa Vin	TV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn			11° 54' 41"	108° 42' 07"	11° 55' 45"	108° 45' 43"	C-49-2-A-b
Suối Sâu	TV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn			11° 48' 24"	108° 42' 25"	11° 48' 33"	108° 44' 49"	C-49-2-A-d
đập Sông Ông	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 50' 37"	108° 43' 55"					C-49-2-A-d
cầu Sông Pha	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 49' 37"	108° 42' 04"					C-49-2-A-d
đình Sông Pha	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 49' 47"	108° 41' 35"					C-49-2-A-d
nhà thờ Sông Pha	KX	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 49' 56"	108° 41' 38"					C-49-2-A-d
núi Sương Mù	SV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 02"	108° 40' 16"					C-49-2-A-d
suối Tầm Ngân	TV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn			11° 53' 49"	108° 40' 12"	11° 50' 42"	108° 43' 44"	C-49-2-A-b; C-49-2-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Tầm Ngân 1	DC	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 50' 41"	108° 43' 24"					C-49-2-A-d
thôn Tầm Ngân 2	DC	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 50' 29"	108° 43' 08"					C-49-2-A-d
thôn Tân Bình	DC	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 48' 37"	108° 43' 48"					C-49-2-A-d
núi Ya Bon Nanh	SV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 45"	108° 38' 02"					C-49-2-A-d
núi Ya Gọ	SV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn	11° 53' 07"	108° 42' 25"					C-49-2-A-b
suối Ya Gọ	TV	xã Lâm Sơn	H. Ninh Sơn			11° 53' 31"	108° 43' 34"	11° 50' 37"	108° 46' 23"	C-49-2-B-c
quốc lộ 27	KX	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn			11° 34' 32"	108° 58' 51"	11° 50' 9"	108° 38' 37"	C-49-2-A-d; C-49-2-B-c
đường tỉnh 707	KX	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn			12° 02' 26"	108° 49' 02"	11° 46' 59"	108° 47' 51"	C-49-2-B-c
Sông Cái	TV	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn			12° 00' 00"	108° 48' 40"	11° 39' 24"	108° 51' 58"	C-49-2-B-c
kênh Chính Đông	TV	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn			11° 50' 38"	108° 43' 52"	11° 46' 25"	108° 47' 50"	C-49-2-A-d; C-49-2-B-c
kênh Chính Tây	TV	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn			11° 50' 40"	108° 43' 52"	11° 45' 01"	108° 46' 37"	C-49-2-A-d; C-49-2-B-c
núi Hòn Bà	SV	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 05"	109° 05' 31"					C-49-2-A-d
núi Hòn Vàng	SV	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn	11° 50' 45"	108° 44' 49"					C-49-2-A-d
Trường Trung học cơ sở Huỳnh Thúc Kháng	KX	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn	11° 48' 24"	108° 44' 28"					C-49-2-A-d
Suối Mây	TV	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn			11° 47' 49"	108° 43' 08"	11° 48' 01"	108° 45' 22"	C-49-2-A-d; C-49-2-B-c
Trung tâm Chữa bệnh Giáo dục xã hội Ninh Thuận	KX	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn	11° 48' 32"	108° 47' 31"					C-49-2-B-c
Sông Ông	TV	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn			11° 49' 32"	108° 40' 16"	11° 44' 59"	108° 48' 29"	C-49-2-A-d; C-49-2-B-c
Suối Sâu	TV	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn			11° 48' 24"	108° 42' 25"	11° 48' 33"	108° 44' 49"	C-49-2-A-d
cầu Tân Lập	KX	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 28"	108° 46' 41"					C-49-2-B-c
thôn Tân Lập 1	DC	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 46"	108° 46' 51"					C-49-2-B-c
thôn Tân Lập 2	DC	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn	11° 48' 40"	108° 47' 14"					C-49-2-B-c
cầu Trà Giang	KX	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 55"	108° 46' 14"					C-49-2-B-c
thôn Trà Giang 1	DC	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn	11° 48' 25"	108° 44' 22"					C-49-2-A-d
thôn Trà Giang 2	DC	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 41"	108° 45' 38"					C-49-2-B-c
thôn Trà Giang 3	DC	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 24"	108° 45' 48"					C-49-2-B-c
thôn Trà Giang 4	DC	xã Lương Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 49"	108° 45' 21"					C-49-2-B-c

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối A Giai	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 34' 09"	108° 40' 55"	11° 32' 32"	108° 43' 34"	C-49-2-C-d
núi A Ta	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 36' 26"	108° 39' 32"					C-49-2-C-d
suối A Toa	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 34' 49"	108° 36' 40"	11° 37' 37"	108° 38' 24"	C-49-2-C-b; C-49-2-C-c; C-49-2-C-d
suối Ca Giai	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 36' 04"	108° 40' 16"	11° 39' 25"	108° 41' 38"	C-49-2-C-b; C-49-2-C-d
núi Ca Ma Dơn	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 38' 37"	108° 33' 40"					C-49-2-C-a
suối Ca Ta Nôi	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 35' 28"	108° 33' 54"	11° 36' 52"	108° 36' 22"	C-49-2-C-c
núi Com Lom	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 37' 52"	108° 44' 35"					C-49-2-C-b
Thôn Do	DC	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 39' 39"	108° 42' 14"					C-49-2-C-b
núi Đá Trắng	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 38' 31"	108° 40' 48"					C-49-2-C-b
Núi Đam	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 38' 12"	108° 36' 18"					C-49-2-C-a
núi Gia Gô Ai	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 35' 14"	108° 41' 38"					C-49-2-C-d
thôn Gia Hoa	DC	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 41' 38"	108° 38' 02"					C-49-2-C-b
thôn Gia Rót	DC	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 39' 31"	108° 41' 06"					C-49-2-C-b
núi Gia Túc	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 35' 52"	108° 43' 59"					C-49-2-C-d
núi Gia Va	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 34' 57"	108° 33' 54"					C-49-2-C-c
Núi Giai	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 32' 47"	108° 42' 47"					C-49-2-C-d
thôn Hà Dài	DC	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 39' 07"	108° 41' 38"					C-49-2-C-b
núi Hòn Diên	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 33' 05"	108° 38' 31"					C-49-2-C-d
suối Ka Mao	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 33' 41"	108° 36' 47"	11° 35' 10"	108° 37' 58"	C-49-2-C-c; C-49-2-C-d
suối Kron	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 36' 52"	108° 36' 22"	11° 37' 37"	108° 38' 24"	C-49-2-C-b; C-49-2-C-c; C-49-2-C-d
núi Ku Ríc	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 33' 17"	108° 40' 01"					C-49-2-C-d
núi La Hon	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 30' 21"	108° 41' 10"					C-49-2-C-d
suối Là Ha	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 32' 54"	108° 39' 18"	11° 29' 39"	108° 45' 04"	C-49-2-C-d
suối Ma Nhông	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 40' 16"	108° 40' 37"	11° 39' 25"	108° 41' 10"	C-49-2-C-b
sông Ma Nới	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 39' 25"	108° 41' 08"	11° 41' 21"	108° 44' 59"	C-49-2-C-b
núi Ma Ra	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 40' 47"	108° 41' 10"					C-49-2-C-b
núi Ma Rông	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 34' 04"	108° 35' 17"					C-49-2-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Suối Nhao	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 37' 29"	108° 35' 10"	11° 36' 52"	108° 36' 22"	C-49-2-C-a; C-49-2-C-c
Sông Pao	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 41' 12"	108° 41' 56"	11° 40' 05"	108° 42' 36"	C-49-2-C-b
núi Prông	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 41' 59"	108° 42' 00"					C-49-2-C-b
núi Ra Pa Na	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 32' 42"	108° 41' 02"					C-49-2-C-d
núi Sa Ra	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 38' 24"	108° 37' 48"					C-49-2-C-b
núi Sa Ru	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 37' 53"	108° 43' 34"					C-49-2-C-b
suối Sa Ru	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 38' 03"	108° 44' 10"	11° 41' 40"	108° 45' 54"	C-49-2-C-b
núi Sơn Đỏ	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 30' 05"	108° 39' 43"					C-49-2-C-d
suối Tà Nôi	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 33' 28"	108° 35' 31"	11° 36' 09"	108° 35' 49"	C-49-2-C-c
thôn Tà Nôi	DC	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 37' 03"	108° 42' 18"					C-49-2-C-d
Suối Tra	TV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn			11° 37' 37"	108° 38' 24"	11° 39' 25"	108° 41' 10"	C-49-2-C-b
Thôn Ú	DC	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 39' 31"	108° 41' 31"					C-49-2-C-b
núi Ya Huê	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 36' 55"	108° 43' 52"					C-49-2-C-d
núi Yam	SV	xã Ma Nới	H. Ninh Sơn	11° 39' 51"	108° 39' 00"					C-49-2-C-b
quốc lộ 27	KX	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn			11° 34' 32"	108° 58' 51"	11° 50' 09"	108° 38' 37"	C-49-2-D-a; C-49-2-D-b
Sông Cái	TV	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn			12° 00' 00"	108° 48' 40"	11° 39' 24"	108° 51' 58"	C-49-2-D-a
Đèo Cậu	KX	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 38' 29"	108° 52' 37"					C-49-2-D-b
Sông Chá	TV	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn			11° 42' 45"	108° 48' 07"	11° 42' 33"	108° 48' 41"	C-49-2-D-a
sông Cho Mo	TV	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn			11° 45' 03"	108° 55' 05"	11° 43' 48"	108° 48' 32"	C-49-2-D-a
Sông Dinh	TV	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-2-D-a
Núi Đất	SV	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 41' 01"	108° 52' 07"					C-49-2-D-a
cầu Đèo Cậu	KX	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 38' 59"	108° 52' 24"					C-49-2-D-b
nhà thờ Đồng Mé	KX	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 39' 36"	108° 52' 08"					C-49-2-D-a
Núi Giải	SV	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 39' 38"	108° 53' 46"					C-49-2-D-b
núi Hòn Dồ	SV	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 43' 35"	108° 50' 31"					C-49-2-D-a
núi Hòn Đỏ	SV	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 38' 32"	108° 47' 56"					C-49-2-D-a
núi Hòn Khô	SV	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 39' 45"	108° 49' 43"					C-49-2-D-a
núi Hòn Trọc	SV	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 29"	108° 52' 44"					C-49-2-D-b
Cầu Khẩu	KX	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 41' 07"	108° 50' 49"					C-49-2-D-a
thôn Mỹ Hiệp	DC	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 40' 04"	108° 52' 34"					C-49-2-D-a
thôn Nha Húi	DC	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 41' 43"	108° 54' 06"					C-49-2-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Phú Thạnh	KX	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 40' 12"	108° 51' 50"					C-49-2-D-a
đình Phú Thạnh	KX	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 40' 04"	108° 51' 55"					C-49-2-D-a
thôn Phú Thạnh	DC	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 40' 15"	108° 51' 47"					C-49-2-D-a
thôn Phú Thuận	DC	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 41' 13"	108° 50' 20"					C-49-2-D-a
thôn Phú Thuỷ	DC	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 39' 06"	108° 52' 22"					C-49-2-D-a
cầu Tân Mỹ	KX	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 48"	108° 48' 37"					C-49-2-D-a
thôn Tân Mỹ	DC	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 45"	108° 48' 50"					C-49-2-D-a
Núi Tiếng	SV	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 40' 21"	108° 54' 40"					C-49-2-D-b
Cầu Xéo	KX	xã Mỹ Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 18"	108° 49' 05"					C-49-2-D-a
quốc lộ 27	KX	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn			11° 34' 32"	108° 58' 51"	11° 50' 09"	108° 38' 37"	C-49-2-D-b
Kênh Bắc	TV	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn			11° 38' 22"	108° 52' 16"	11° 38' 39"	109° 03' 40"	C-49-2-D-b; C-49-2-D-d
Đèo Cậu	KX	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 38' 29"	108° 52' 37"					C-49-2-D-b
Sông Dinh	TV	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn			11° 39' 24"	108° 51' 58"	11° 32' 14"	109° 01' 34"	C-49-2-D-a; C-49-2-D-b; C-49-2-D-d
đình Đắc Nhơn	KX	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 36' 53"	108° 55' 18"					C-49-2-D-d
thôn Đắc Nhơn 1	DC	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 37' 00"	108° 55' 02"					C-49-2-D-d
thôn Đắc Nhơn 2	DC	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 36' 53"	108° 55' 26"					C-49-2-D-d
thôn Đắc Nhơn 3	DC	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 36' 43"	108° 55' 32"					C-49-2-D-d
núi Hòn Dài	SV	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 39' 38"	108° 53' 46"					C-49-2-D-b
thôn Láng Ngựa	DC	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 37' 24"	108° 54' 52"					C-49-2-D-d
thôn Lương Cang 1	DC	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 37' 05"	108° 54' 39"					C-49-2-D-d
thôn Lương Cang 2	DC	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 37' 25"	108° 54' 12"					C-49-2-D-d
thôn Lương Tri	DC	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 37' 45"	108° 55' 34"					C-49-2-D-b; C-49-2-D-d
cầu Ma Nương	KX	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 36' 57"	108° 54' 54"					C-49-2-D-d
Núi Ngỗng	SV	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 38' 08"	108° 54' 40"					C-49-2-D-b
Công ty cổ phần Giống cây trồng Nha Hố	KX	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 38' 05"	108° 53' 13"					C-49-2-D-b
Viện Nghiên cứu cây bông và Phát triển nông nghiệp Nha Hố	KX	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 38' 12"	108° 52' 55"					C-49-2-D-b
thôn Nha Hố 1	DC	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 38' 04"	108° 53' 20"					C-49-2-D-b

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Nha Hố 2	DC	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 37' 57"	108° 53' 12"					C-49-2-D-b
thôn Núi Ngỗng	DC	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 37' 43"	108° 54' 22"					C-49-2-D-b
cầu Ông Một	KX	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 37' 20"	108° 54' 18"					C-49-2-D-d
chùa Phước Long	KX	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 36' 53"	108° 55' 18"					C-49-2-D-d
chùa Thiền Lâm	KX	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 36' 55"	108° 55' 02"					C-49-2-D-d
Núi Tiếng	SV	xã Nhơn Sơn	H. Ninh Sơn	11° 40' 21"	108° 54' 40"					C-49-2-D-b
quốc lộ 27	KX	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn			11° 34' 32"	108° 58' 51"	11° 50' 09"	108° 38' 37"	C-49-2-B-c; C-49-2-D-a
Sông Cái	TV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn			12° 00' 00"	108° 48' 40"	11° 39' 24"	108° 51' 58"	C-49-2-B-c; C-49-2-D-a
kênh Chính Tây	TV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn			11° 50' 40"	108° 43' 52"	11° 45' 01"	108° 46' 37"	C-49-2-B-c
Sông Dầu	TV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn			11° 44' 24"	108° 43' 28"	11° 42' 54"	108° 46' 08"	C-49-2-C-b; C-49-2-D-a
sông Dầu 1	TV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn			11° 46' 35"	108° 41' 28"	11° 44' 24"	108° 43' 28"	C-49-2-A-d; C-49-2-C-b
sông Dầu 2	TV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn			11° 44' 04"	108° 41' 17"	11° 44' 24"	108° 43' 28"	C-49-2-C-b
nhà thờ Hạnh Trí	KX	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 44' 33"	108° 47' 28"					C-49-2-D-a
thôn Hạnh Trí 1	DC	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 44' 27"	108° 47' 34"					C-49-2-D-a
thôn Hạnh Trí 2	DC	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 44' 39"	108° 47' 35"					C-49-2-D-a
thôn La Vang 1	DC	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 45' 28"	108° 47' 32"					C-49-2-B-c
thôn La Vang 2	DC	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 45' 11"	108° 47' 38"					C-49-2-B-c
thôn Lương Giang	DC	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 51"	108° 48' 18"					C-49-2-D-a
Đồi M	SV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 44' 56"	108° 42' 20"					C-49-2-C-b
Suối Mây	TV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn			11° 45' 24"	108° 44' 31"	11° 43' 06"	108° 46' 13"	C-49-2-A-d; C-49-2-C-b; C-49-2-D-a
Suối Môn	TV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn			11° 46' 11"	108° 46' 08"	11° 44' 16"	108° 48' 22"	C-49-2-B-c; C-49-2-D-a
Núi Một	SV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 44' 08"	108° 45' 47"					C-49-2-D-a
Núi Nhọn	SV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 46' 29"	108° 42' 54"					C-49-2-A-d
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Ninh Sơn	KX	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 52"	108° 48' 32"					C-49-2-D-a

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Nhà máy Tinh bột sắn Ninh Thuận	KX	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 57"	108° 48' 24"					C-49-2-D-a
suối Nước Nóng	TV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn			11° 46' 00"	108° 44' 01"	11° 45' 24"	108° 44' 31"	C-49-2-A-d
Sông Ông	TV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn			11° 49' 32"	108° 40' 16"	11° 44' 59"	108° 48' 29"	C-49-2-B-c
chùa Quảng Sơn	KX	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 45' 26"	108° 47' 20"					C-49-2-B-c
khu công nghiệp Quảng Sơn	KX	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 43' 23"	108° 48' 08"					C-49-2-D-a
nhà thờ Quảng Thuận	KX	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 45' 19"	108° 47' 30"					C-49-2-B-c
Nhà máy Thuỷ điện Sông Ông	KX	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 45' 02"	108° 48' 18"					C-49-2-B-c
núi Sương Mù	SV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 47' 02"	108° 40' 16"					C-49-2-A-d
cầu Tân Mỹ	KX	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 42' 48"	108° 48' 37"					C-49-2-D-a
nhà thờ Thạch Hà	KX	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 45' 21"	108° 47' 09"					C-49-2-B-c
thôn Thạch Hà 1	DC	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 45' 19"	108° 47' 13"					C-49-2-B-c
thôn Thạch Hà 2	DC	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 45' 33"	108° 47' 09"					C-49-2-B-c
Sông Than	TV	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn			11° 41' 21"	108° 44' 59"	11° 42' 33"	108° 48' 41"	C-49-2-D-a
nhà thờ Triệu Phong	KX	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 44' 53"	108° 47' 09"					C-49-2-D-a
thôn Triệu Phong 1	DC	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 44' 48"	108° 47' 10"					C-49-2-D-a
thôn Triệu Phong 2	DC	xã Quảng Sơn	H. Ninh Sơn	11° 45' 01"	108° 47' 16"					C-49-2-D-a; C-49-2-B-c
quốc lộ 1A	KX	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-3-C-a
cầu Ba Tháp	KX	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 41' 02"	109° 02' 19"					C-49-3-C-a
thôn Ba Tháp	DC	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 40' 54"	109° 02' 10"					C-49-3-C-a
kênh Bà Xoài	TV	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc			11° 40' 38"	109° 02' 42"	11° 38' 20"	109° 01' 55"	C-49-3-C-a
Kênh Bắc	TV	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc			11° 38' 22"	108° 52' 16"	11° 38' 39"	109° 03' 40"	C-49-3-C-a
Núi Beo	SV	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 41' 05"	109° 01' 36"					C-49-3-C-a
Núi Chùa	SV	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 41' 24"	109° 00' 18"					C-49-3-C-a
Nhà máy Gạch Tuynel Du Long	KX	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 41' 26"	109° 02' 42"					C-49-3-C-a
núi Đá Nhà	SV	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 41' 24"	109° 00' 03"					C-49-3-C-a
Núi Đất	SV	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 41' 33"	109° 00' 23"					C-49-3-C-a
Cầu Đôi	KX	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 41' 19"	109° 02' 35"					C-49-3-C-a
cầu Gò Sạn	KX	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 40' 12"	109° 01' 47"					C-49-3-C-a
thôn Gò Sạn	DC	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 40' 25"	109° 01' 59"					C-49-3-C-a
cầu Lăng Ông 1	KX	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 41' 24"	109° 02' 53"					C-49-3-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cầu Lăng Ông 2	KX	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 41' 23"	109° 02' 47"					C-49-3-C-a
Núi Một	SV	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 41' 00"	109° 00' 54"					C-49-3-C-a
thôn Mỹ Nhơn	DC	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc	11° 40' 25"	109° 01' 16"					C-49-3-C-a
Suối Tối	TV	xã Bắc Phong	H. Thuận Bắc			11° 43' 39"	109° 00' 11"	11° 38' 21"	109° 02' 55"	C-49-2-D-b; C-49-3-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-3-C-a
Kênh Bắc	TV	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc			11° 38' 22"	108° 52' 16"	11° 38' 39"	109° 03' 40"	C-49-3-C-a
suối Bầu Dài	TV	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc			11° 40' 28"	109° 03' 13"	11° 39' 04"	109° 02' 53"	C-49-3-C-a
thôn Bình Nghĩa	DC	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc	11° 39' 09"	109° 03' 38"					C-49-3-C-a
suối Cây Lim	TV	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc			11° 41' 18"	109° 03' 21"	11° 40' 59"	109° 03' 10"	C-49-3-C-a
Núi Chúa	SV	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc	11° 40' 33"	109° 06' 58"					C-49-3-C-a
cầu Cột Chuối 1	KX	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc	11° 41' 43"	109° 03' 07"					C-49-3-C-a
cầu Cột Chuối 2	KX	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc	11° 41' 38"	109° 03' 04"					C-49-3-C-a
suối Đồng Nha	TV	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc			11° 40' 32"	109° 06' 11"	11° 37' 20"	109° 02' 20"	C-49-3-C-a
núi Hòn Bà	SV	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc	11° 42' 05"	109° 05' 31"					C-49-3-C-a
núi Hòn Dồ	SV	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc	11° 37' 56"	109° 05' 56"					C-49-3-C-a
núi Hòn Dung	SV	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc	11° 38' 33"	109° 05' 20"					C-49-3-C-a
suối Kiền Kiền	TV	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc			11° 44' 50"	109° 06' 41"	11° 41' 56"	109° 03' 09"	C-49-3-C-a
đường Kiền Kiền-Vĩnh Hy	KX	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc			11° 42' 07"	109° 03' 20"	11° 35' 04"	109° 07' 39"	C-49-3-C-a
thôn Láng Me	DC	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc	11° 41' 00"	109° 03' 47"					C-49-3-C-a
cầu Lăng Ông 1	KX	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc	11° 41' 24"	109° 02' 53"					C-49-3-C-a
suối Me Cháy	TV	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc			11° 41' 39"	109° 03' 03"	11° 40' 28"	109° 03' 13"	C-49-3-C-a
thôn Xóm Bằng	DC	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc	11° 39' 28"	109° 06' 00"					C-49-3-C-a
thôn Xóm Bằng 2	DC	xã Bắc Sơn	H. Thuận Bắc	11° 39' 40"	109° 03' 59"					C-49-3-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-3-A-c
đường tỉnh 706	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc			11° 46' 48"	109° 04' 44"	11° 51' 47"	108° 58' 45"	C-49-3-A-c
núi Ba Hồ	SV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 47' 27"	109° 03' 04"					C-49-3-A-c
thôn Ba Hồ	DC	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 47' 06"	109° 04' 16"					C-49-3-A-c
Núi Bà	SV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 47' 29"	109° 08' 13"					C-49-3-A-d
cầu Bầu Âu	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 47' 00"	109° 04' 57"					C-49-3-A-c
Núi Bay	SV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 47' 01"	109° 06' 11"					C-49-3-A-c
Suối Bay	TV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc			11° 45' 55"	109° 06' 18"	11° 47' 13"	109° 06' 32"	C-49-3-A-c
thôn Bình Tiên	DC	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 48' 00"	109° 10' 59"					C-49-3-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cầu Cây Da	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 48' 34"	109° 06' 13"					C-49-3-A-c
Núi Chúa	SV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 44' 35"	109° 08' 17"					C-49-3-C-b
núi Cô Lô	SV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 48' 30"	109° 04' 48"					C-49-3-A-c
Suối Dầu	TV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc			11° 47' 14"	109° 04' 52"	11° 47' 31"	109° 05' 29"	C-49-3-A-c
sông Dò Tà	TV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc			11° 47' 31"	109° 05' 29"	11° 48' 40"	109° 06' 14"	C-49-3-A-c
Cầu Gẫy	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 47' 09"	109° 05' 06"					C-49-3-A-c
núi Giác Lan	SV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 49' 04"	109° 05' 24"					C-49-3-A-c
thôn Giác Lan	DC	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 48' 10"	109° 05' 51"					C-49-3-A-c
thôn Hiệp Kiết	DC	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 46' 51"	109° 04' 41"					C-49-3-A-c
thôn Hiệp Thành	DC	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 46' 25"	109° 04' 34"					C-49-3-A-c
ga Kà Rôm	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 46' 47"	109° 04' 37"					C-49-3-A-c
thôn Kà Rôm	DC	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 47' 11"	109° 04' 19"					C-49-3-A-c
Suối Kẹp	TV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc			11° 45' 59"	109° 06' 50"	11° 47' 13"	109° 06' 32"	C-49-3-A-c
chùa Long Cát	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 46' 49"	109° 04' 41"					C-49-3-A-c
cầu Mỹ Thạnh 1	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 48' 11"	109° 06' 03"					C-49-3-A-c
cầu Mỹ Thạnh 2	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 48' 02"	109° 05' 52"					C-49-3-A-c
Vườn quốc gia Núi Chúa	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 44' 35"	109° 08' 17"					C-49-3-C-b
suối Nước Ngọt	TV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc			11° 43' 07"	109° 08' 02"	11° 41' 22"	109° 09' 22"	C-49-3-A-d
suối Nước Ngọt	TV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc			11° 46' 23"	109° 08' 17"	11° 48' 33"	109° 09' 18"	C-49-3-A-d
núi Nước Nhí	SV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 47' 04"	109° 09' 43"					C-49-3-A-d
Núi Sưa	SV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 46' 12"	109° 08' 46"					C-49-3-A-d
cầu Suối Dầu	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 47' 37"	109° 05' 27"					C-49-3-A-c
cầu Suối Giếng	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 48' 04"	109° 06' 05"					C-49-3-A-c
thôn Suối Giếng	DC	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 48' 05"	109° 05' 56"					C-49-3-A-c
cầu Suối Vang	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 46' 41"	109° 04' 42"					C-49-3-A-c
cầu Suối Vang	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 46' 47"	109° 04' 23"					C-49-3-A-c
thôn Suối Vang	DC	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 46' 37"	109° 04' 19"					C-49-3-A-c
Sông Trâu	TV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc			11° 47' 52"	108° 58' 59"	11° 47' 14"	109° 04' 52"	C-49-3-A-c
Suối Vang	TV	xã Công Hải	H. Thuận Bắc			11° 46' 22"	109° 03' 09"	11° 47' 31"	109° 05' 29"	C-49-3-A-c
cầu Vườn Gòn	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 47' 48"	109° 05' 37"					C-49-3-A-c
cầu Xóm Đèn	KX	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 46' 43"	109° 04' 52"					C-49-3-A-c
thôn Xóm Đèn	DC	xã Công Hải	H. Thuận Bắc	11° 46' 38"	109° 04' 55"					C-49-3-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-3-A-c; C-49-3-C-a
thôn Ấn Đạt	DC	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 43' 07"	109° 03' 07"					C-49-3-C-a
núi Bà Râu	SV	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 44' 55"	109° 02' 38"					C-49-3-C-a
suối Bà Râu	TV	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc			11° 44' 28"	109° 01' 38"	11° 41' 39"	109° 03' 03"	C-49-3-C-a
thôn Bà Râu 1	DC	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 43' 21"	109° 02' 59"					C-49-3-C-a
thôn Bà Râu 2	DC	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 43' 16"	109° 02' 49"					C-49-3-C-a
mương Cây Trâm	TV	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc			11° 42' 34"	109° 04' 05"	11° 41' 18"	109° 03' 21"	C-49-3-C-a
núi Chúa Em	SV	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 44' 41"	109° 06' 18"					C-49-3-C-a
cầu Cột Chuối 1	KX	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 41' 43"	109° 03' 07"					C-49-3-C-a
cầu Cột Chuối 2	KX	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 41' 38"	109° 03' 04"					C-49-3-C-a
Suối Đá	TV	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc			11° 45' 10"	109° 04' 41"	11° 46' 42"	109° 04' 34"	C-49-3-A-c
cầu Kiền Kiền	KX	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 42' 34"	109° 03' 35"					C-49-3-C-a
núi Kiền Kiền	SV	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 41' 33"	109° 04' 34"					C-49-3-C-a
suối Kiền Kiền	TV	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc			11° 44' 50"	109° 06' 41"	11° 41' 56"	109° 03' 09"	C-49-3-C-a
thôn Kiền Kiền 1	DC	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 42' 21"	109° 03' 25"					C-49-3-C-a
thôn Kiền Kiền 2	DC	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 42' 27"	109° 03' 36"					C-49-3-C-a
đường Kiền Kiền-Vĩnh Hy	KX	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc			11° 42' 07"	109° 03' 20"	11° 35' 04"	109° 07' 39"	C-49-3-C-a
cầu Lăng Ông 1	KX	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 41' 24"	109° 02' 53"					C-49-3-C-a
cầu Lăng Ông 2	KX	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 41' 23"	109° 02' 47"					C-49-3-C-a
núi Ma Ó	SV	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 44' 30"	109° 05' 41"					C-49-3-C-a
Núi Một	SV	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 44' 18"	109° 04' 01"					C-49-3-C-a
Nhà máy Phân bón hữu cơ vi sinh Nam Thành	KX	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 41' 45"	109° 03' 43"					C-49-3-C-a
Trạm Nghiên cứu và Chuyển giao tiến bộ khoa học chăn nuôi Dê Cừu Ninh Thuận	KX	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 45' 37"	109° 03' 36"					C-49-3-A-c
núi Ông Ngài	SV	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 43' 06"	109° 01' 16"					C-49-3-C-a
cầu Suối Đá	KX	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 45' 07"	109° 04' 22"					C-49-3-A-c
thôn Suối Đá	DC	xã Lợi Hải	H. Thuận Bắc	11° 45' 22"	109° 04' 26"					C-49-3-A-c
đường tỉnh 706	KX	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc			11° 46' 48"	109° 04' 44"	11° 51' 47"	108° 58' 45"	C-49-3-A-c
suối Ba Hồ	TV	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc			11° 47' 43"	109° 00' 22"	11° 46' 22"	109° 03' 09"	C-49-3-A-c
núi Cam Ma Nhưng	SV	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc	11° 51' 35"	109° 03' 40"					C-49-3-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
núi Cô Lô	SV	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc	11° 48' 30"	109° 04' 48"					C-49-3-A-c
thôn Đầu Suối A	DC	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc	11° 49' 55"	109° 02' 03"					C-49-3-A-c
thôn Đầu Suối B	DC	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc	11° 50' 16"	109° 02' 54"					C-49-3-A-c
thôn Động Thông	DC	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc	11° 50' 04"	109° 02' 53"					C-49-3-A-c
núi Giác Lan	SV	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc	11° 49' 04"	109° 05' 24"					C-49-3-A-c
núi Hao Chu Hy	SV	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc	11° 47' 07"	108° 59' 17"					C-49-2-B-d
hồ Ma Trai	TV	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc	11° 49' 58"	109° 04' 34"					C-49-3-A-c
thôn Ma Trai	DC	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc	11° 49' 42"	109° 04' 23"					C-49-3-A-c
núi Pháo Kích	SV	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc	11° 47' 34"	109° 02' 06"					C-49-3-A-c
hồ Sông Trâu	TV	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc	11° 48' 54"	109° 03' 43"					C-49-3-A-c
suối Sừng Trâu	TV	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc			11° 51' 06"	109° 03' 15"	11° 49' 50"	109° 03' 22"	C-49-3-A-c
thôn Tập Lá	DC	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc	11° 50' 02"	109° 01' 55"					C-49-3-A-c
Sông Trâu	TV	xã Phước Chiến	H. Thuận Bắc			11° 47' 52"	108° 58' 59"	11° 47' 14"	109° 04' 52"	C-49-3-A-c
suối Ba Hồ	TV	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc			11° 47' 43"	109° 00' 22"	11° 46' 22"	109° 03' 09"	C-49-3-A-c
đập Bến Nưng	KX	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc	11° 44' 37"	109° 01' 12"					C-49-3-C-a
thôn Cầu Đá	DC	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc	11° 44' 32"	109° 01' 12"					C-49-3-C-a
núi Đá Cao	SV	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc	11° 46' 18"	109° 02' 28"					C-49-3-A-c
thôn Đá Liệt	DC	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc	11° 44' 59"	109° 01' 37"					C-49-3-C-a
núi Đá Mài	SV	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc	11° 43' 07"	109° 00' 14"					C-49-3-C-a
thôn Đá Mài Dưới	DC	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc	11° 44' 30"	109° 01' 19"					C-49-3-C-a
thôn Đá Mài Trên	DC	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc	11° 44' 19"	109° 01' 19"					C-49-3-C-a
núi Hao Chu Hy	SV	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc	11° 47' 07"	108° 59' 17"					C-49-2-B-d
suối Lô Cu	TV	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc			11° 46' 36"	109° 00' 23"	11° 44' 37"	109° 01' 12"	C-49-3-A-c; C-49-3-C-a
Núi Phi	SV	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc	11° 43' 12"	108° 59' 31"					C-49-2-D-b
Suối Quẹo	TV	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc			11° 44' 37"	109° 01' 12"	11° 44' 28"	109° 01' 38"	C-49-3-C-a
Núi Rã	SV	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc	11° 45' 16"	108° 57' 58"					C-49-2-B-d
thôn Suối Le	DC	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc	11° 43' 37"	108° 59' 07"					C-49-2-D-b
Suối Tối	TV	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc			11° 43' 39"	109° 00' 11"	11° 38' 21"	109° 02' 55"	C-49-2-D-b; C-49-3-C-a
Núi Xanh	SV	xã Phước Kháng	H. Thuận Bắc	11° 46' 51"	109° 00' 25"					C-49-3-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Cà Ná	H. Thuận Nam			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-14-B-c; C-49-14-B-b; C-49-15-A-a; C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
ga Cà Ná	KX	xã Cà Ná	H. Thuận Nam	11° 21' 15"	108° 52' 30"					C-49-14-B-c
Cầu Ga	KX	xã Cà Ná	H. Thuận Nam	11° 21' 19"	108° 52' 31"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
chùa Lạc Nghiệp	KX	xã Cà Ná	H. Thuận Nam	11° 20' 23"	108° 53' 08"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
thôn Lạc Nghiệp 1	DC	xã Cà Ná	H. Thuận Nam	11° 20' 29"	108° 53' 07"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
thôn Lạc Nghiệp 2	DC	xã Cà Ná	H. Thuận Nam	11° 20' 30"	108° 53' 11"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
chùa Lạc Sơn	KX	xã Cà Ná	H. Thuận Nam	11° 20' 06"	108° 52' 00"					C-49-14-B-c
thôn Lạc Sơn 1	DC	xã Cà Ná	H. Thuận Nam	11° 20' 25"	108° 52' 35"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
thôn Lạc Sơn 2	DC	xã Cà Ná	H. Thuận Nam	11° 21' 15"	108° 52' 36"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
thôn Lạc Sơn 3	DC	xã Cà Ná	H. Thuận Nam	11° 22' 15"	108° 52' 44"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
Suối Ngang	TV	xã Cà Ná	H. Thuận Nam			11° 22' 04"	108° 50' 36"	11° 21' 31"	108° 52' 41"	C-49-14-B-c; C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
Cầu Oằn	KX	xã Cà Ná	H. Thuận Nam	11° 21' 38"	108° 52' 32"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
cầu Quán Thẻ 5	KX	xã Cà Ná	H. Thuận Nam	11° 22' 07"	108° 52' 37"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
Thôn 1	DC	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam	11° 29' 05"	108° 50' 49"					C-49-14-B-a
Thôn 2	DC	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam	11° 28' 53"	108° 49' 59"					C-49-14-B-a
Thôn 3	DC	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam	11° 28' 14"	108° 50' 06"					C-49-14-B-a
đường tỉnh 709	KX	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam			11° 28' 37"	108° 54' 10"	11° 28' 39"	108° 47' 46"	C-49-14-B-a
suối Cá Chê	TV	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam			11° 23' 31"	108° 47' 09"	11° 25' 45"	108° 48' 22"	C-49-14-B-a

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
kênh Cà Tiêu	TV	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam			11° 31' 14"	108° 52' 13"	11° 28' 41"	108° 49' 36"	C-49-14-B-a
kênh Chà Vin	TV	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam			11° 28' 42"	108° 48' 50"	11° 28' 51"	108° 52' 12"	C-49-14-B-a
suối Chó Dạo	TV	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam			11° 29' 42"	108° 50' 24"	11° 28' 53"	108° 50' 25"	C-49-14-B-a
Hồ CK7	TV	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam	11° 29' 58"	108° 49' 42"					C-49-14-B-a
núi Đầu Bò	SV	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam	11° 26' 29"	108° 47' 18"					C-49-14-B-a
núi Giếng Ma	SV	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam	11° 23' 03"	108° 48' 00"					C-49-14-B-a
núi Gió Hứ	SV	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam	11° 23' 41"	108° 47' 31"					C-49-14-B-a
Đập Kía	KX	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam	11° 29' 08"	108° 51' 38"					C-49-14-B-a
Sông Lu	TV	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam			11° 29' 31"	108° 47' 06"	11° 32' 31"	109° 00' 32"	C-49-14-B-a
đập Ma Rên	KX	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam	11° 28' 59"	108° 51' 12"					C-49-14-B-a
suối Ra Pa Pôn	TV	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam			11° 33' 17"	108° 48' 00"	11° 28' 46"	108° 49' 19"	C-49-14-B-a
núi Tà Lan	SV	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam	11° 25' 56"	108° 49' 44"					C-49-14-B-a
suối Trà Van	TV	xã Nhị Hà	H. Thuận Nam			11° 24' 35"	108° 45' 32"	11° 28' 55"	108° 51' 18"	C-49-14-B-a
Xí nghiệp Muối Cà Ná	KX	xã Phước Diêm	H. Thuận Nam	11° 19' 38"	108° 54' 40"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
núi Đá Bạc	SV	xã Phước Diêm	H. Thuận Nam	11° 22' 56"	108° 54' 32"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
núi Hòn Mái	SV	xã Phước Diêm	H. Thuận Nam	11° 23' 51"	108° 55' 26"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Lạc Tân 1	DC	xã Phước Diêm	H. Thuận Nam	11° 20' 18"	108° 53' 17"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
thôn Lạc Tân 2	DC	xã Phước Diêm	H. Thuận Nam	11° 20' 13"	108° 53' 26"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
thôn Lạc Tân 3	DC	xã Phước Diêm	H. Thuận Nam	11° 20' 09"	108° 53' 36"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
Núi Mây	SV	xã Phước Diêm	H. Thuận Nam	11° 20' 29"	108° 56' 49"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
thôn Thương Diêm 1	DC	xã Phước Diêm	H. Thuận Nam	11° 20' 15"	108° 54' 22"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
thôn Thương Diêm 2	DC	xã Phước Diêm	H. Thuận Nam	11° 20' 03"	108° 54' 27"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
Suối Trai	TV	xã Phước Diêm	H. Thuận Nam			11° 21' 50"	108° 56' 06"	11° 20' 59"	108° 53' 42"	C-49-14-B-d; C-49-15-A-c

www.LuanVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
hồ Bầu Ngứ	TV	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 28' 21"	108° 57' 36"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
suối Bầu Ngứ	TV	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam			11° 26' 41"	108° 56' 02"	11° 28' 01"	108° 57' 18"	C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Bầu Ngứ	DC	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 28' 02"	108° 57' 41"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
núi Đèo Cả	SV	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 21' 13"	108° 57' 11"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
núi Hồ Ba Bể	SV	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 21' 50"	108° 58' 55"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
núi Hòn Mái	SV	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 23' 51"	108° 55' 26"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
núi Ma Vít	SV	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 27' 11"	108° 59' 20"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
Núi Mây	SV	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 20' 29"	108° 56' 49"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-c
hồ Núi Một	TV	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 24' 25"	108° 58' 00"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
đầm Sơn Hải	TV	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 24' 40"	108° 59' 49"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Sơn Hải 1	DC	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 24' 58"	109° 00' 16"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Sơn Hải 2	DC	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 24' 51"	109° 00' 07"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Mộ Tháp	KX	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 27' 18"	108° 58' 01"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Vũng Tròn	TV	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 26' 36"	109° 00' 27"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Từ Thiện	DC	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 27' 59"	109° 00' 36"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Vĩnh Trường	DC	xã Phước Dinh	H. Thuận Nam	11° 26' 49"	109° 00' 22"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
đường tỉnh 709	KX	xã Phước Hà	H. Thuận Nam			11° 28' 37"	108° 54' 10"	11° 28' 39"	108° 47' 46"	C-49-14-B-a

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối A Giai	TV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam			11° 34' 09"	108° 40' 55"	11° 32' 32"	108° 43' 34"	C-49-2-C-d
núi Ba Rốc	SV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 28' 17"	108° 45' 36"					C-49-14-B-a
Sông Biêu	TV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam			11° 27' 39"	108° 45' 32"	11° 28' 44"	108° 48' 49"	D-49-14-B-a
đập Cà Tiêu	KX	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 29' 01"	108° 47' 28"					D-49-14-B-a
núi Cha Bau	SV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 31' 19"	108° 43' 44"					C-49-2-C-d
kênh Chà Vin	TV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam			11° 28' 42"	108° 48' 50"	11° 28' 51"	108° 52' 12"	D-49-14-B-a
Hồ CK7	TV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 29' 58"	108° 49' 42"					D-49-14-B-a
suối Đá Máng	TV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam			11° 30' 13"	108° 48' 04"	11° 29' 32"	108° 47' 06"	D-49-14-B-a
núi Đầu Bồ	SV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 27' 04"	108° 46' 27"					C-49-14-B-a
núi Đồi Hai	SV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 32' 21"	108° 48' 50"					C-49-2-D-c
Sông Giá	TV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam			11° 29' 31"	108° 47' 06"	11° 28' 44"	108° 48' 50"	D-49-14-B-a
Suối Giá	TV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam			11° 32' 32"	108° 43' 34"	11° 30' 01"	108° 46' 30"	C-49-2-C-d; C-49-2-D-c
Thôn Giá	DC	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 28' 57"	108° 47' 56"					C-49-14-B-a
núi Gia Loa	SV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 27' 46"	108° 42' 43"					C-49-14-A-b
núi Gia Túc	SV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 35' 52"	108° 43' 59"					C-49-2-C-d
Núi Giai	SV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 32' 47"	108° 42' 47"					C-49-2-C-d
núi La Hon	SV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 30' 21"	108° 41' 10"					C-49-2-C-d
thôn Là A	DC	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 29' 05"	108° 47' 42"					C-49-14-B-a
suối Là Ha	TV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam			11° 28' 55"	108° 41' 27"	11° 29' 39"	108° 45' 04"	C-49-14-A-b; C-49-14-B-a
suối Lanh Ra	TV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam			11° 34' 12"	108° 43' 48"	11° 35' 55"	108° 45' 54"	C-49-2-C-d
núi Ma Bô	SV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 28' 28"	108° 40' 37"					C-49-14-A-b
suối Ra Pa Pôn	TV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam			11° 33' 17"	108° 48' 00"	11° 28' 46"	108° 49' 19"	D-49-14-B-a; C-49-2-D-c
thôn Rồ Ôn	DC	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 28' 52"	108° 48' 03"					C-49-14-B-a
núi Sơn Đỏ	SV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 30' 05"	108° 39' 43"					C-49-2-C-d
hồ Sông Biêu	TV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 26' 07"	108° 46' 32"					D-49-14-B-a
hồ Tân Giang	TV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 29' 43"	108° 47' 00"					D-49-14-B-a
thôn Tân Hà	DC	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 28' 37"	108° 47' 45"					C-49-14-B-a
thôn Trà Nô	DC	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 28' 24"	108° 48' 18"					C-49-14-B-a
suối Trà Van	TV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam			11° 24' 35"	108° 45' 32"	11° 28' 55"	108° 51' 18"	D-49-14-B-a
đập Trà Vin	KX	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 28' 44"	108° 48' 59"					D-49-14-B-a

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Núi Vung	SV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 24' 45"	108° 45' 18"					C-49-14-B-a
núi Y Bo	SV	xã Phước Hà	H. Thuận Nam	11° 33' 00"	108° 47' 31"					C-49-2-D-c
quốc lộ 1A	KX	xã Phước Minh	H. Thuận Nam			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Nhà máy Sản xuất Muối Bim	KX	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 26' 40"	108° 53' 47"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Suối Bung	TV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam			11° 23' 24"	108° 51' 40"	11° 23' 03"	108° 52' 55"	C-49-14-B-a; C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
núi Ca Ron	SV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 23' 25"	108° 49' 43"					C-49-14-B-a
Suối Cạn	TV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam			11° 26' 14"	108° 54' 54"	11° 26' 12"	108° 53' 50"	C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
núi Cây Sung	SV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 23' 05"	108° 48' 58"					C-49-14-B-a
núi Chà Bang	SV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 27' 13"	108° 55' 30"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
núi Đá Bạc	SV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 22' 56"	108° 54' 32"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
núi Giếng Ma	SV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 23' 03"	108° 48' 00"					C-49-14-B-a
suối Giếng Mui	TV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam			11° 26' 43"	108° 55' 50"	11° 26' 44"	108° 55' 12"	C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Núi Gió	SV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 23' 25"	108° 51' 07"					C-49-14-B-a
núi Hòn Mái	SV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 23' 51"	108° 55' 26"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Trường Tiểu học Lạc Tiến	KX	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 23' 04"	108° 53' 07"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Lạc Tiến	DC	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 23' 12"	108° 53' 03"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Núi Một	SV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 24' 06"	108° 52' 40"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Linh	KX	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 25' 42"	108° 53' 25"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
suối Nha Min	TV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam			11° 25' 04"	108° 49' 41"	11° 26' 45"	108° 50' 24"	C-49-14-B-a

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cầu Quán Thẻ 1	KX	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 25' 25"	108° 53' 31"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
cầu Quán Thẻ 2	KX	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 23' 25"	108° 53' 16"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
cầu Quán Thẻ 3	KX	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 23' 15"	108° 53' 10"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
cầu Quán Thẻ 4	KX	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 22' 53"	108° 52' 59"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Quán Thẻ 1	DC	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 26' 10"	108° 53' 24"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Quán Thẻ 2	DC	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 25' 50"	108° 53' 29"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Quán Thẻ 3	DC	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 24' 19"	108° 53' 33"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
hồ Số 3	TV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 22' 55"	108° 53' 11"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
hồ Số 5	TV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 24' 02"	108° 53' 51"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
hồ Số 7	TV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 25' 24"	108° 50' 56"					C-49-14-B-a
hồ Số 8	TV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 25' 28"	108° 52' 59"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Trạm bơm Số 9	KX	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 24' 47"	108° 52' 19"					C-49-14-B-a
Trạm bơm Số 10	KX	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 25' 30"	108° 51' 18"					C-49-14-B-a
núi Tà Lan	SV	xã Phước Minh	H. Thuận Nam	11° 25' 56"	108° 49' 44"					C-49-14-B-a
quốc lộ 1A	KX	xã Phước Nam	H. Thuận Nam			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-2-D-d; C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
hồ Bầu Ngứ	TV	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 28' 21"	108° 57' 36"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
suối Bầu Ngứ	TV	xã Phước Nam	H. Thuận Nam			11° 26' 41"	108° 56' 02"	11° 28' 01"	108° 57' 18"	C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
núi Chà Bang	SV	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 27' 13"	108° 55' 30"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
cầu Cua Trắng	KX	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 27' 32"	108° 53' 40"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
cầu Gác Dan	KX	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 29' 01"	108° 54' 18"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Suối Găn	TV	xã Phước Nam	H. Thuận Nam			11° 27' 25"	108° 55' 55"	11° 31' 13"	108° 55' 19"	C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
cầu Gò Dưa	KX	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 27' 57"	108° 53' 56"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
ao Ka Vay	TV	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 29' 54"	108° 55' 15"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Sông Lu	TV	xã Phước Nam	H. Thuận Nam			11° 29' 31"	108° 47' 06"	11° 32' 31"	109° 00' 32"	C-49-2-D-d; C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Nho Lâm	DC	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 30' 05"	108° 54' 36"					C-49-2-D-d
thôn Phước Lập	DC	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 29' 33"	108° 55' 31"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
khu công nghiệp Phước Nam	KX	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 27' 22"	108° 54' 22"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
suối Tam Lang	TV	xã Phước Nam	H. Thuận Nam			11° 28' 34"	108° 57' 32"	11° 30' 00"	108° 55' 26"	C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Tam Lang	DC	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 29' 22"	108° 56' 19"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Suối Tranh	TV	xã Phước Nam	H. Thuận Nam			11° 28' 21"	108° 56' 46"	11° 29' 14"	108° 56' 20"	C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Văn Lâm 1	DC	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 29' 47"	108° 55' 15"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Văn Lâm 2	DC	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 29' 56"	108° 55' 01"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Văn Lâm 3	DC	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 29' 34"	108° 55' 12"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Văn Lâm 4	DC	xã Phước Nam	H. Thuận Nam	11° 30' 11"	108° 54' 44"					C-49-2-D-d

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
quốc lộ 1A	KX	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam			11° 48' 39"	109° 06' 16"	11° 20' 06"	108° 51' 53"	C-49-2-D-d; C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
đường tỉnh 709	KX	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam			11° 28' 37"	108° 54' 10"	11° 28' 39"	108° 47' 46"	C-49-14-B-a; C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bằng Giới Việt Nam	KX	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 28' 24"	108° 54' 00"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
kênh Chà Vin	TV	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam			11° 28' 42"	108° 48' 50"	11° 28' 51"	108° 52' 12"	C-49-14-B-a
hồ Chà Vin	TV	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 27' 22"	108° 51' 39"					C-49-14-B-a
cầu Cua Trắng	KX	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 27' 32"	108° 53' 40"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
cầu Gác Dan	KX	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 29' 01"	108° 54' 18"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
cầu Gò Dưa	KX	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 27' 57"	108° 53' 56"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Hiếu Thiện	DC	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 28' 15"	108° 53' 19"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Công ty trách nhiệm hữu hạn Hon Shi	KX	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 28' 24"	108° 53' 49"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Đập Kía	KX	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 29' 08"	108° 51' 38"					C-49-14-B-a
Sông Lu	TV	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam			11° 29' 31"	108° 47' 06"	11° 32' 31"	109° 00' 32"	C-49-14-B-a; C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
suối Nha Min	TV	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam			11° 25' 04"	108° 49' 41"	11° 26' 45"	108° 50' 24"	C-49-14-B-a
Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Phan Rang	KX	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 28' 21"	108° 53' 45"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
Nhà máy Gạch Tuynel Phước Nam	KX	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 41' 26"	109° 02' 42"					C-49-14-B-d; C-49-15-A-a
hồ Suối Lớn	TV	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 27' 06"	108° 50' 31"					C-49-14-B-a

www.LuatVietnam.vn

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Tân Bổn	DC	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 28' 03"	108° 52' 28"					C-49-14-B-a; C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
hồ Tấn Liên	TV	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 27' 44"	108° 52' 33"					C-49-14-B-a; C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
thôn Thiện Đức	DC	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 28' 23"	108° 53' 19"					C-49-14-B-b; C-49-15-A-a
suối Trà Van	TV	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam			11° 24' 35"	108° 45' 32"	11° 28' 55"	108° 51' 18"	C-49-14-B-a
thôn Vụ Bổn	DC	xã Phước Ninh	H. Thuận Nam	11° 28' 13"	108° 52' 29"					C-49-14-B-a; C-49-14-B-b; C-49-15-A-a

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Linh Ngọc

www.LuatVietnam.vn

www.LuatVietnam.vn